



FRIEDRICH NAUMANN
FOUNDATION For Freedom.
Việt Nam

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

FDI TOÀN CẦU VÀ ỨNG BIẾN CỦA DOANH NGHIỆP FDI TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI



Zoom(English)

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2021



Zoom(Tiếng Việt)

INTERNATIONAL CONFERENCE

GLOBAL FDI AND RESPONSES OF FDI ENTERPRISES IN VIETNAM
IN THE NEW CONTEXT



**FRIEDRICH NAUMANN
FOUNDATION** For Freedom.

Việt Nam

Chương trình Hội thảo Quốc tế

FDI TOÀN CẦU VÀ ỨNG BIẾN CỦA DOANH NGHIỆP FDI TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

Thời gian: Ngày 08 tháng 10 năm 2021

Hình thức: Trực tuyến qua Zoom

Thời gian	Hoạt động và địa điểm
08:00 - 08:30	Tiếp đón khách mời
08:30 - 09:00	Khai mạc Hội thảo <i>PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN</i> <i>PGS.TS. Nguyễn Hoài Nam, Hiệu trưởng Trường Đại Học Hải Phòng</i> <i>PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Loan, Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Thương mại</i> <i>GS.TS. Andreas Stoffers, Giám đốc Quốc gia Viện Friedrich Naumann Foundation (FNF) tại Việt Nam</i> Chụp ảnh
09:00 - 09:15	Bài trình bày 1 Vai trò của EVIPA trong việc mở rộng FDI của EU vào Việt Nam <i>GS.TS. Andreas Stoffers, Giám đốc Quốc gia Viện Friedrich Naumann Foundation (FNF) tại Việt Nam</i>
09:15 - 09:30	Bài trình bày 2 Bức tranh FDI toàn cầu và định hướng thu hút FDI thể hệ mới của Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm trên diện rộng <i>PGS.TS. Hà Văn Hội, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN</i>
09:30 - 09:45	Bài trình bày 3 Phân tích mối quan hệ đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020 <i>TS. Nguyễn Thị Thúy Hà, Th.S Đoàn Thị Oanh, Trường Đại Học Hải Phòng</i>
09:45 - 10:15	Thảo luận
10:15 - 10:30	Giải lao
10:30 - 10:45	Bài trình bày 4 Giải pháp cho doanh nghiệp FDI trong thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người lao động khi Việt Nam tham gia các FTA thể hệ mới <i>PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân, Trường ĐH Thương mại</i>
10:45 - 11:00	Bài trình bày 5 Những thay đổi trong kế hoạch và chiến lược kinh doanh của công ty trong bối cảnh mới <i>Ông Ou Yang Feng Fei, Phó Tổng Giám đốc, Regina Miracle International Vietnam Co.,Ltd</i>



**FRIEDRICH NAUMANN
FOUNDATION** For Freedom.

Việt Nam

Thời gian	Hoạt động và địa điểm
11:00 - 11:15	Bài trình bày 6 Tác động của đại dịch Covid-19 đối với các hoạt động của công ty <i>Ông Phạm Huy Hùng, Giám đốc Khối Bán lẻ, Ngân hàng Shinhan, chi nhánh Hải Phòng</i>
11:15 - 11:45	Thảo luận
11:45 - 12:00	Bế mạc Hội thảo <i>Đại diện Trường ĐHKT - ĐHQGHN</i> <i>Đại diện Viện Friedrich Naumann Foundation (FNF) tại Việt Nam</i>



**FRIEDRICH NAUMANN
FOUNDATION** For Freedom.
Việt Nam

International Conference Agenda

GLOBAL FDI AND RESPONSES OF FDI ENTERPRISES IN VIETNAM IN THE NEW CONTEXT

Time: 08 Oct 2021

Platform: Zoom online

Date and Time	Activities and Location
08:00 - 08:30	Registration
08:30 - 09:00	<p>Conference Opening <i>Assoc.Prof. Dr. Nguyen Truc Le, VNU University of Economics and Business</i> <i>Assoc.Prof. Dr. Nguyen Hoai Nam, Haiphong University</i> <i>Assoc.Prof. Dr. Nguyen Thi Bich Loan, Thuongmai University</i> <i>Prof. Dr. Andreas Stoffers, Director of Friedrich Naumann Foundation for Freedom Vietnam (FNF)</i></p> <p>Photo session</p>
09:00 - 09:15	<p>Presentation 1 The role of EVIPA in the expansion of FDI from the EU to Vietnam <i>Prof. Dr. Andreas Stoffers, Director of Friedrich Naumann Foundation for Freedom Vietnam (FNF)</i></p>
09:15 - 09:30	<p>Presentation 2 Global FDI flows and the orientation to attract new-generation FDI to Vietnam in the context of the world economic downturn <i>Assoc.Prof. Dr. Ha Van Hoi, VNU University of Economics and Business</i></p>
09:30 - 09:45	<p>Presentation 3 Analysis of Foreign Direct Investment and Vietnam's economic growth relationships in 2010 - 2020 <i>Dr. Nguyen Thi Thuy Ha, MA. Doan Thi Oanh, Hai Phong University</i></p>
09:45 - 10:15	Discussion
10:15 - 10:30	Breaktime
10:30 - 10:45	<p>Presentation 4 Solutions for FDI enterprises in implementing social responsibilities for employees when Vietnam joins new-generation FTAs <i>Assoc.Prof. Dr. Nguyen Thi Minh Nhan, Thuongmai University</i></p>



**FRIEDRICH NAUMANN
FOUNDATION** For Freedom.
Việt Nam

10:45 - 11:00	Presentation 5 Changes in the company's business plan and strategy in the new context <i>Mr. Ou Yang Feng Fei, Vice Managing Director, Regina Miracle International Vietnam Co.,Ltd</i>
11:00 - 11:15	Presentation 6 Impact of the Covid-19 pandemic on company activities <i>Mr. Pham Huy Hung, Retail Director, Shinhan Bank, Haiphong branch</i>
11:15 - 11:45	Discussion
11:45 - 12:00	Closing <i>VNU University of Economics and Business</i> <i>Friedrich Naumann Foundation for Freedom Vietnam (FNF)</i>

PHÁT BIỂU KHAI MẠC
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
“FDI TOÀN CẦU VÀ ỨNG BIẾN CỦA DOANH NGHIỆP FDI
TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI”

PGS. TS. Nguyễn Trúc Lê
Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Kính thưa Quý vị đại biểu,

Tôi xin nhiệt liệt chào mừng Quý vị đại biểu tham dự Hội thảo hôm nay với chủ đề **“FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh mới”** do trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN phối hợp với trường Đại học Hải Phòng, trường Đại học Thương mại và Ban quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng đồng tổ chức. Hội thảo được tài trợ bởi Quỹ Friedrich Naumann Foundation For Freedom (FNF). Sự tham dự của đông đảo các cơ quan hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu, nhà khoa học trong nước và quốc tế cùng toàn thể Quý vị đại biểu không chỉ thể hiện tầm quan trọng và ý nghĩa thiết thực của chủ đề, nội dung Hội thảo, mà còn minh chứng cho sự ủng hộ quý báu của Quý vị dành cho các đơn vị tổ chức Hội thảo nói chung và trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN nói riêng. Thay mặt Ban Tổ chức và trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN, tôi xin gửi tới toàn thể Quý vị đại biểu lời cảm ơn chân thành, lời chào thân ái và lời chúc tốt đẹp nhất.

Kính thưa Quý vị đại biểu,

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng một vai trò quan trọng đối với nền kinh tế toàn cầu, giúp dịch chuyển và phân bổ nguồn vốn một cách hiệu quả và mang lại nhiều lợi ích cho các quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển. Tại Việt Nam, trong suốt 35 năm thực hiện Đổi mới, FDI luôn là một trong những động lực đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế thông qua bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển, thúc đẩy xuất khẩu, đóng góp vào nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và góp phần nâng cao trình độ công nghệ.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, dòng vốn FDI toàn cầu nói chung và FDI vào Việt Nam nói riêng chịu tác động mạnh mẽ từ đại dịch COVID 19 và các biến động lớn của nền kinh tế thế giới. Đại dịch COVID 19 bùng phát trên phạm vi toàn cầu đã gây ra những tác động chưa từng có trong tiền lệ. Giãn cách xã hội ở nhiều quốc gia làm gián đoạn hoạt động sản xuất, thương mại và đầu tư, gây đứt gãy các chuỗi giá trị toàn cầu. Kết quả là nền kinh tế thế giới rơi vào một cuộc suy thoái nghiêm trọng nhất kể từ Chiến tranh thế giới thứ hai. Mặc dù các quốc gia đã tích cực và nhanh chóng thực hiện nhiều biện pháp phòng chống COVID 19, cho đến nay dịch bệnh vẫn diễn biến hết

sức phức tạp và khó lường. Tác động tiêu cực của dịch bệnh do đó còn tiếp tục kéo dài và chưa thể đánh giá hết. Bên cạnh đó, mức độ và cách thức mà các nền kinh tế tương tác với nhau còn chịu ảnh hưởng từ một loạt các yếu tố khác như cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn nhằm giữ vững và củng cố vị thế toàn cầu, quá trình chuyển đổi số được thúc đẩy trong bối cảnh đại dịch và Cách mạng công nghiệp 4.0, xu hướng xanh hóa nền kinh tế nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và hướng tới phát triển bền vững, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và xu hướng bảo hộ mới ở một số quốc gia,...

Những biến động này có tác động mạnh mẽ, nhiều chiều đến tăng trưởng kinh tế, thương mại và đặc biệt là dòng vốn FDI toàn cầu. Bên cạnh đó xuất hiện làn sóng dịch chuyển đầu tư các dự án FDI để đối phó với tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng các mặt hàng thiết yếu và quan trọng cho thị trường các nước phát triển. Các nước đang phát triển ở khu vực châu Á ngày càng trở thành địa điểm đầu tư hấp dẫn, là nhóm duy nhất ghi nhận mức tăng trưởng dương về FDI và trở thành khu vực thu hút FDI nhiều nhất thế giới trong năm 2020.

Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, hội nhập quốc tế sâu rộng đã và đang chịu nhiều tác động, ảnh hưởng từ bối cảnh chung toàn cầu. Dưới tác động của đại dịch, lượng vốn đăng ký FDI năm 2020 giảm 25% và giá trị FDI thực hiện giảm 2% so với năm 2019. Tuy nhiên, khi so sánh trong tương quan với các nền kinh tế khác, đây là một kết quả rất đáng khích lệ. FDI thực hiện chỉ giảm 2%, là mức giảm thấp nhất trong khu vực ASEAN và Việt Nam lần đầu tiên lọt vào Top 20 quốc gia thu hút FDI nhiều nhất thế giới. Có thể nói, bối cảnh mới tuy mang đến nhiều thách thức song cũng hứa hẹn nhiều cơ hội cho Việt Nam. Các cơ hội đến từ tổng hòa rất nhiều yếu tố. Đó là những nỗ lực của Chính phủ trong công cuộc thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh vừa phát triển kinh tế đã phát huy được hiệu quả và được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Đó còn là việc Việt Nam tận dụng được các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các FTA thế hệ mới đã ký kết để thu hút FDI. Ngoài ra, những điều chỉnh chính sách trong thu hút FDI một cách chọn lọc và tích cực cải thiện môi trường kinh doanh cũng là một yếu tố quan trọng giúp dần cải thiện chất lượng của dòng vốn FDI.

Là đối tượng trực tiếp chịu tác động cũng như nhận thức được cả các cơ hội lẫn thách thức từ bối cảnh mới, các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam đã có những điều chỉnh chiến lược, chính sách hết sức đa dạng để chống chịu, khôi phục trong và sau đại dịch. Việc nghiên cứu, đánh giá về những tác động của bối cảnh mới đối với dòng vốn FDI và những điều chỉnh chính sách của doanh nghiệp FDI là hết sức cần thiết nhằm giúp đưa ra những hàm ý chính sách cho Việt Nam trong việc tiếp tục thu hút FDI một cách chọn lọc, hỗ trợ khôi phục nền kinh tế và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Trong bối cảnh đó, Hội thảo khoa học quốc tế với chủ đề ***“FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh mới”*** chính là diễn đàn để

các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản trị doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu trong nước và học giả quốc tế trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về các vấn đề liên quan đến sự thay đổi của dòng vốn FDI trên phạm vi toàn cầu, ứng biến của các doanh nghiệp FDI và các hàm ý chính sách cho Việt Nam để tiếp tục thu hút được dòng vốn FDI một cách chọn lọc và hiệu quả trong bối cảnh mới. Chúng tôi mong nhận được các ý kiến đóng góp và chia sẻ quý báu từ Quý vị đại biểu trong Hội thảo.

Kính thưa Quý vị đại biểu,

Với tư cách là những trường đại học nghiên cứu hàng đầu về kinh tế và kinh doanh, Ban tổ chức đã góp phần không nhỏ vào đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và đóng góp vào hoạt động nghiên cứu khoa học của đất nước, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới kinh tế nói chung và phát triển lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế nói riêng của Việt Nam. Đối với trường Đại học Kinh tế, một đơn vị thành viên của ĐHQGHN, sứ mệnh của chúng tôi là cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển chất lượng, hiệu quả và bền vững của Việt Nam; nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho Chính phủ, các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội. Trường đã và đang thực hiện nhiều dự án, đề tài nghiên cứu với các nước trong khu vực và trên thế giới với sự tham gia của các chuyên gia nghiên cứu hàng đầu trong nhiều lĩnh vực. Thông qua các mạng lưới nghiên cứu quốc tế, Trường Đại học Kinh tế đã và đang tạo ra một môi trường học thuật bổ ích, giúp các nhà nghiên cứu Việt Nam chủ động trao đổi, giao lưu tri thức với các đồng nghiệp trong mạng lưới nghiên cứu quốc tế; đồng thời thu hút được nhiều diễn giả quốc tế tham gia hội thảo, trao đổi học thuật và làm việc. Và Hội thảo ngày hôm nay nằm trong chuỗi các hoạt động như vậy. Chúng tôi tin tưởng rằng Hội thảo sẽ thúc đẩy quá trình đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo về kinh tế và kinh doanh ở các trường đại học; đồng thời bổ sung thêm những luận cứ khoa học và thực tiễn, góp phần thực hiện thành công đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị đã quan tâm gửi bài, đến tham dự, báo cáo và thảo luận tại Hội thảo. Những đóng góp tâm huyết của Quý vị đại biểu chính là yếu tố quan trọng làm nên thành công của Hội thảo. Đặc biệt, Ban tổ chức xin trân trọng cảm ơn sự đồng hành và tài trợ của Quỹ FNF Friedrich Naumann Foundation For Freedom trong toàn bộ quá trình chuẩn bị và tổ chức Hội thảo.

Kính chúc Quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

PHÁT BIỂU KHAI MẠC
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
“FDI TOÀN CẦU VÀ ỨNG BIẾN CỦA DOANH NGHIỆP FDI
TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI”

PGS. TS. Nguyễn Hoài Nam

Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng

Kính thưa các quý vị đại biểu!

Hành trình hơn 30 năm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam gắn liền với công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và hội nhập quốc tế của nền kinh tế. Có thể nói FDI là một trong những nguồn vốn quan trọng, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển. FDI là yếu tố để nâng cao được tính cạnh tranh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. FDI vừa là thách thức nhưng cũng là động lực để giúp các doanh nghiệp trong nước đổi mới, cải tiến về chất lượng sản phẩm, dịch vụ để đáp ứng với nhu cầu thị yếu của khách hàng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong nước cũng học hỏi thêm được những kinh nghiệm vô cùng quý giá về bài toán lợi nhuận từ các doanh nghiệp nước ngoài.

Trong những năm gần đây, Thành phố Hải Phòng là một trong những địa phương thu hút nhiều dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Vì vậy, Thành phố đang tập trung nhiều giải pháp để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để thực sự trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư. Riêng năm 2020, Hải Phòng đã thu hút tổng số vốn FDI lên đến 1.064 triệu USD, xếp thứ 2 cả nước. Nhiều chuyên gia kinh tế đánh giá Hải Phòng đã trở thành "rốn" hút vốn FDI của cả nước trong năm 2020.

Là Trường Đại học chịu sự quản lý trực tiếp của Thành phố Hải Phòng, Nhà trường luôn quan tâm tới việc tổ chức các diễn đàn chuyên môn, học thuật quốc gia, quốc tế để tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên nhà trường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các nhà khoa học, các nhà quản lý và hoạch định chính sách, các doanh nghiệp trong và nước ngoài. Trong khuôn khổ hợp tác, năm 2021, Trường Đại học Hải Phòng là đơn vị đăng cai tổ chức, phối hợp với Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Thương Mại và Ban quản lý các Khu kinh tế Hải Phòng đồng tổ chức Hội thảo quốc tế “*FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp tại Việt Nam trong bối cảnh mới*”.

Để Hội thảo diễn ra thành công tốt đẹp, Trường Đại học Hải Phòng đã thông báo và gửi đến các giảng viên, các đối tác nước ngoài, các doanh nghiệp FDI trên thành phố

Hải Phòng và các nhà khoa học trong và ngoài thành phố để tham gia viết bài Hội thảo. Qua đó Trường Đại Học Hải Phòng đã tổng hợp được trên 70 bài báo gửi phản biện kín và chọn được 32 bài có chất lượng tốt nhất để đăng trong kỷ yếu Hội thảo quốc tế.

Với vai trò là đơn vị đăng cai tổ chức Hội thảo, Trường Đại học Hải Phòng đã chuẩn bị mọi nguồn lực, cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị tốt nhất và truyền thông rộng rãi đến cán bộ giảng viên, các doanh nghiệp FDI, các đối tác và các nhà quản lý trong và ngoài thành phố biết và tham dự Hội thảo. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch COVID-19 tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực, việc tổ chức Hội thảo trực tuyến đòi hỏi về sự thay đổi như cơ sở hạ tầng, đường truyền, nền tảng công nghệ tương tác, cách tiếp cận tổ chức Hội thảo... là phần tất yếu và đáp ứng sự thích nghi hoàn cảnh mới đã được Trường Đại học Hải Phòng và các thành viên Ban tổ chức thực hiện tốt.

Thay mặt lãnh đạo Nhà trường, tôi xin kính chúc các quý vị đại biểu, các vị khách quý, các nhà khoa học sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc Hội thảo quốc tế “FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp tại Việt Nam trong bối cảnh mới”, thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

PHÁT BIỂU KHAI MẠC
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
“FDI TOÀN CẦU VÀ ỨNG BIẾN CỦA DOANH NGHIỆP FDI
TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI”

PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại

Kính thưa quý vị đại biểu, các vị khách quý và các nhà khoa học !

Thay mặt Trường Đại học Thương mại, trước hết tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Hải Phòng và Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng đã cùng đồng tổ chức Hội thảo quốc tế hôm nay với chủ đề: “*FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh mới*” rất là có ý nghĩa thiết thực này, đặc biệt trong thời điểm các Trường đang bước vào năm học mới 2021 – 2022.

Hội thảo là diễn đàn quan trọng để các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về các vấn đề liên quan đến FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh mới.

Mặc dù đại dịch Covid-19 vẫn còn phức tạp nhưng sự có mặt của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý là động lực lớn cho Ban tổ chức và là tiền đề để các Trường Đại học chúng tôi sẽ tiếp tục đồng tổ chức các Hội thảo tiếp theo.

Xin kính chúc các vị khách quý, các nhà khoa học sức khỏe, hạnh phúc.

Chúc hội thảo thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn và hẹn gặp tại Trường Đại học Thương mại.

PHÁT BIỂU KHAI MẠC
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
“FDI TOÀN CẦU VÀ ỨNG BIẾN CỦA DOANH NGHIỆP FDI
TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI”

GS. TS. Andreas Stoffer

Giám đốc QG Viện Friedrich Naumann Foundation For Freedom (FNF) tại Việt Nam

Dear colleagues,

The Vietnamese government has recently reopened the economy and lifted restrictions in some regions. However, not all restrictions have fallen and it is becoming clear that Vietnam's economy is also suffering significantly from the negative impact of the global disruption of supply chains and the weakening of investment flows. In addition, some foreign direct investment enterprises are considering leaving Vietnam or curtailing their production due to the measures. Moreover, freight rates remain high and no downward trend is visible in the last months until 2021, making it difficult for foreign investors to import key capital goods and later bring their produced goods to the global market.

Nevertheless, there is now a light at the end of the tunnel with the gradual lifting of restrictions. As Prime Minister Chinh rightly says: "We will have to live with Covid19". Foreign direct investment will again play a crucial role in this. As for Vietnam's recovery, I myself am optimistic. After all, although Covid 19 also hit Vietnam hard this year, the positive location factors are still there. These include integration into global supply chains, inclusion in an international system of free trade agreements, and the very liberal investment and investment protection legislation in place. These elements are still in place and will play an essential role in the emerging recovery.

In this respect, I am very delighted that we, as the "Friedrich Naumann Foundation for Freedom", are able to contribute to this international conference. FNF is a German party foundation that is financially supported by official federal funds. We are committed to promoting the free market economy and thus an investor-friendly environment. In our projects with our Vietnamese partners, we have been successfully working towards precisely this goal since 2012.

"Global FDA and responses of FDI Enterprises in Vietnam in the new context" is a very important topic, which we will discuss in detail with the experts in the course of this morning.

I would like to take this opportunity to thank the organisers from VNU/UEB, Haiphong University and Thuongmai University.

I wish us all a successful conference and Vietnam an early return to its strong economic growth as an attractive destination for FDI.

Global FDI and Responses

-

The Role of EVIPA in the Expansion of FDI from the EU to Vietnam

Prof. Dr. Andreas Stoffers
Hanoi, October 6th, 2021



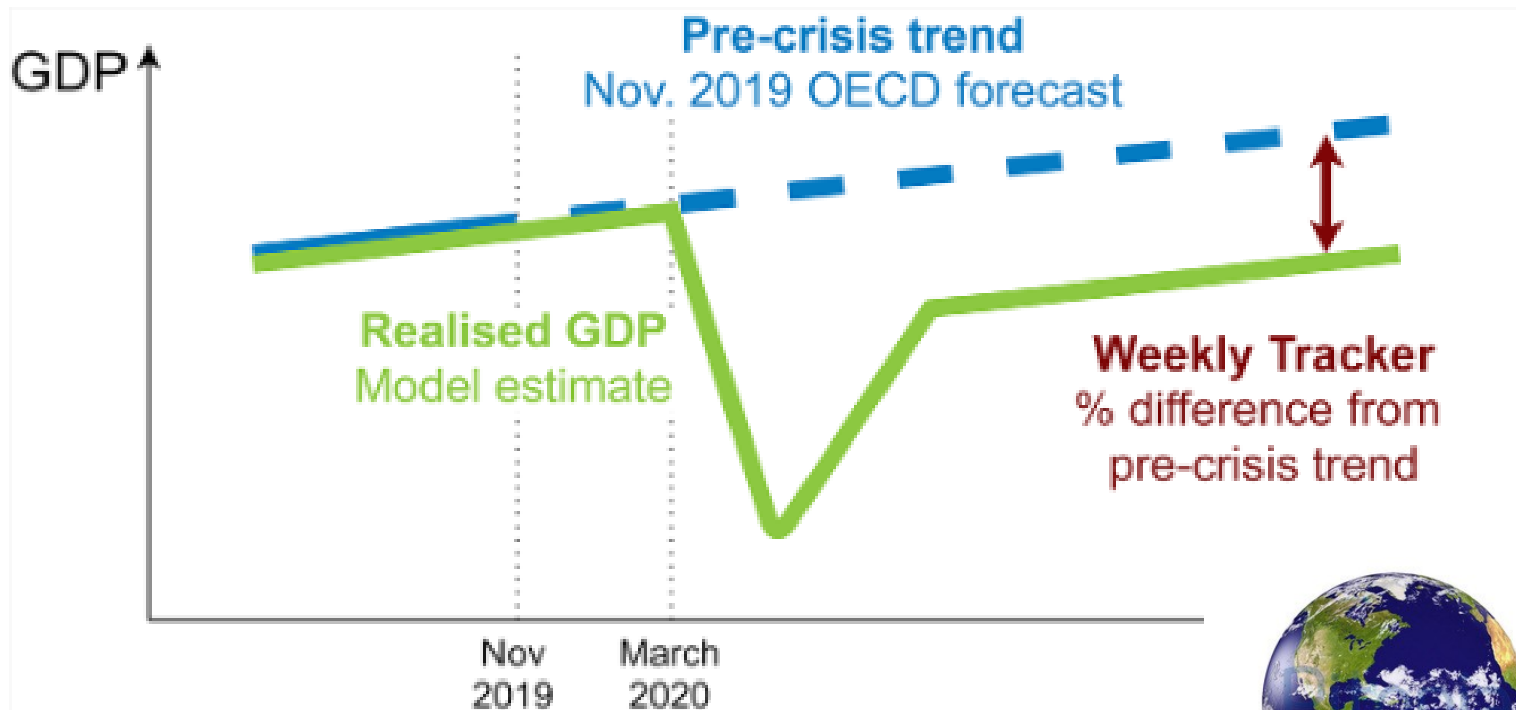
**FRIEDRICH NAUMANN
STIFTUNG** Für die Freiheit.



- Vietnam 2021 - Weathering the Storm
- Vietnam's FTA and investment protection
- Role of EU for the Vietnamese economy
- EVFTA: a solid basis for EVIPA
- Content of EVIPA
- EVIPA and EU investors
- Vietnam's road ahead

Vietnam 2021: Weathering the Storm

The world economy was shaken, V-form recovery?



source: OECD weekly tracking

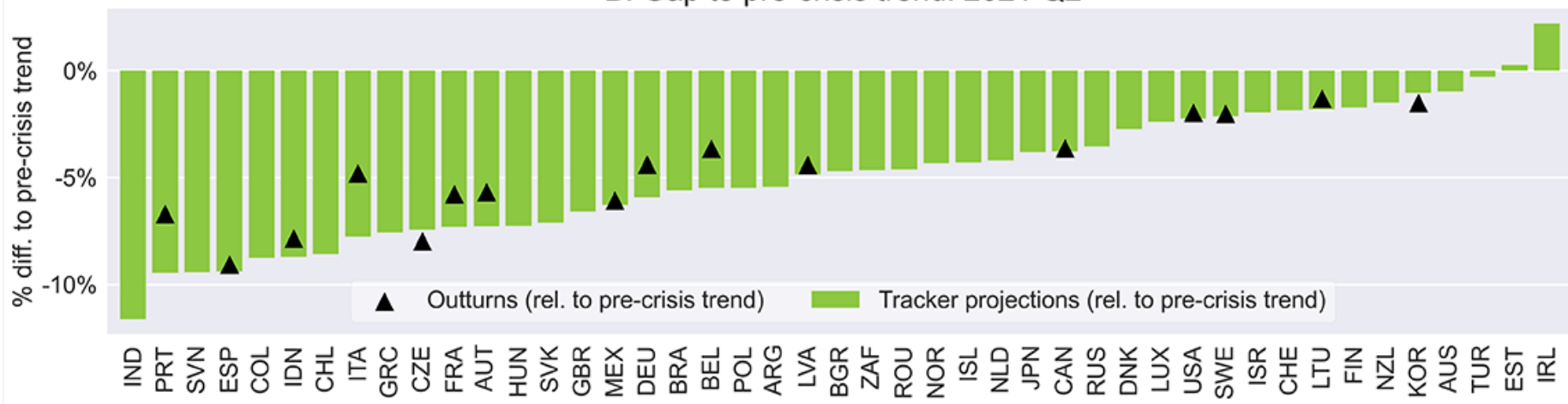
Vietnam 2021: Weathering the Storm

Vietnam is depending on the world's recovery

most countries did not recover yet

Impact on FDI in Vietnam?

B. Gap to pre-crisis trend: 2021 Q2




source: OECD weekly tracking

Vietnam 2021: Weathering the Storm

Worldbank's outlook is / was optimistic

Table 1.1. Selected economic indicators, Vietnam, 2019–23

Indicator	2019	2020e	2021f	2022f	2023f
GDP growth (%)	7.0	2.9	4.8	6.5	6.5
Consumer Price Index (average, %)	2.8	3.2	3.2	3.6	4.0
Current account balance (% of GDP)	5.0	4.6	0.5	1.0	1.0
Fiscal balance (% of GDP)	-0.5	-4.9	-6.0	-5.9	-5.4
Public debt (% GDP) ^a	55.0	55.3	58.3	59.0	58.8



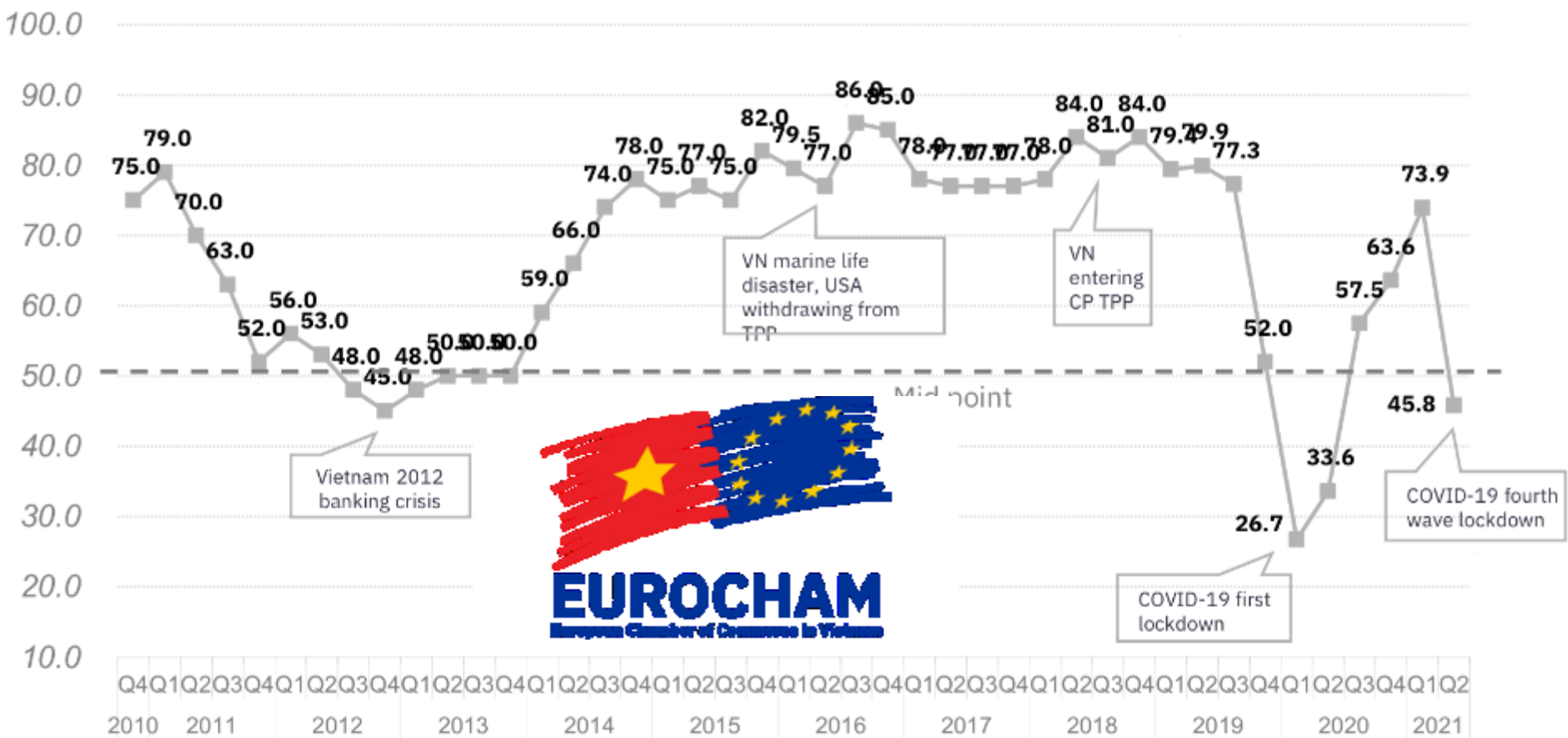
Sources: GSO, IMF, MOF, SBV, and World Bank.

Note: a. Excluding cross-debt among government entities. f = forecast. 2020 est. from MOF

Source: Worldbank „Digital Vietnam“, Aug2021

Vietnam 2021: Weathering the Storm

EuroCham Business Climate Index: dark clouds ahead

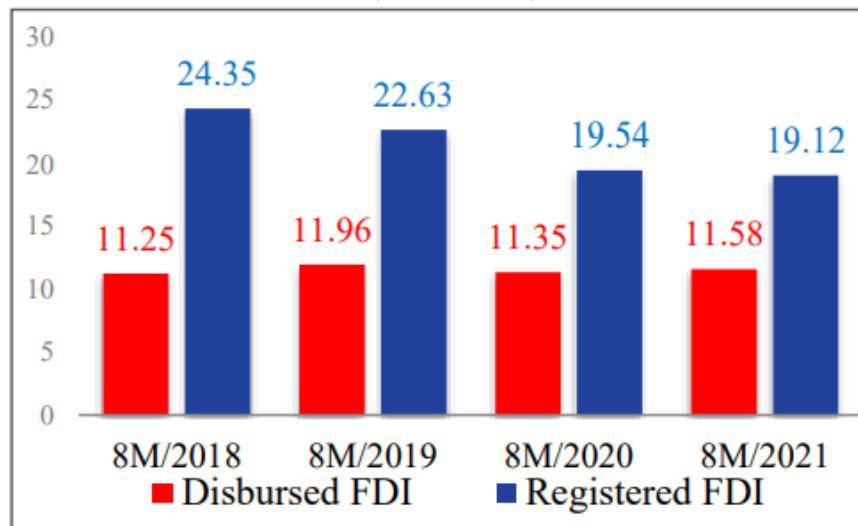


Source: EuroCham Vietnam

Vietnam's FTA and investment protection

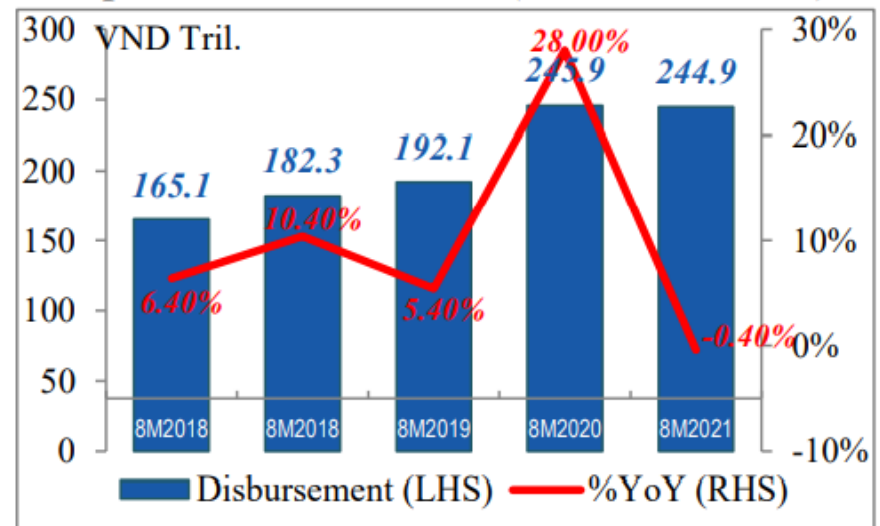
FDI is decreasing due to the world economic crisis

Figure 5: FDI attraction in 8M/ 2018-2021
(USD bil.)



Sources: GSO, MPI.

Figure 6: Disbursement of public investment capital in 8M/2017-2021
(VND tril., % YoY)



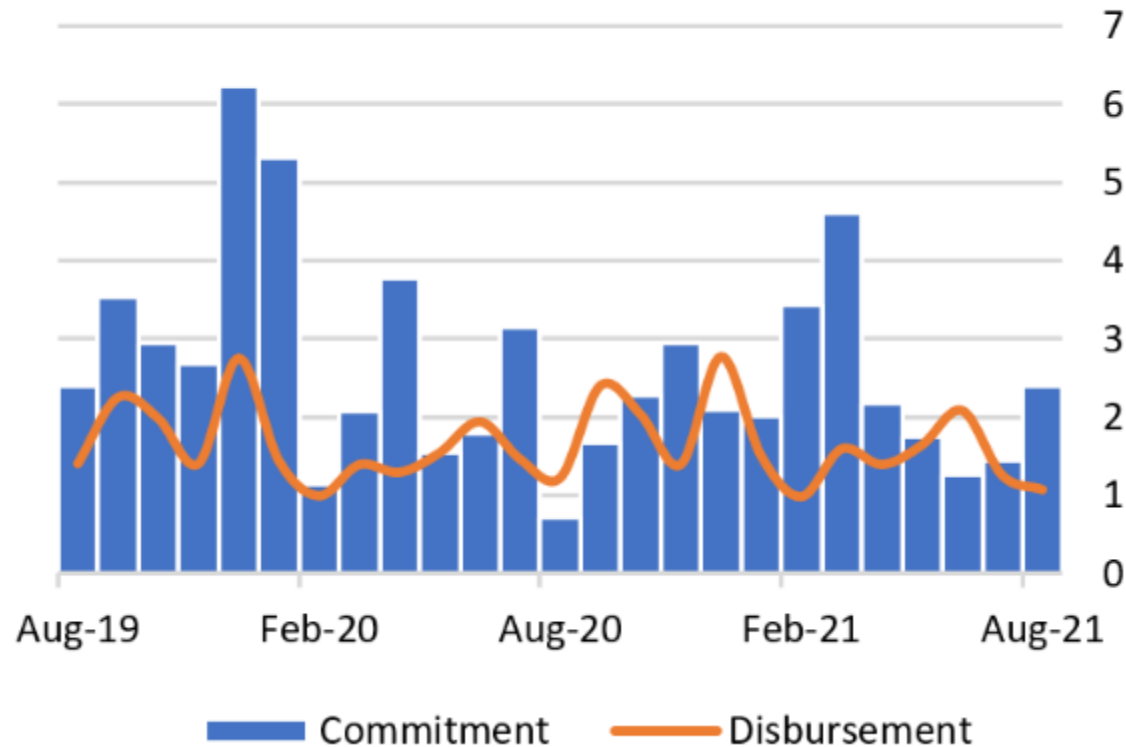
Source: GSO.

Source: BIDV Aug2021

Vietnam's FTA and investment protection

FDI is decreasing due to the world economic crisis

Figure 6: Foreign Direct Investment (USD billion, NSA)

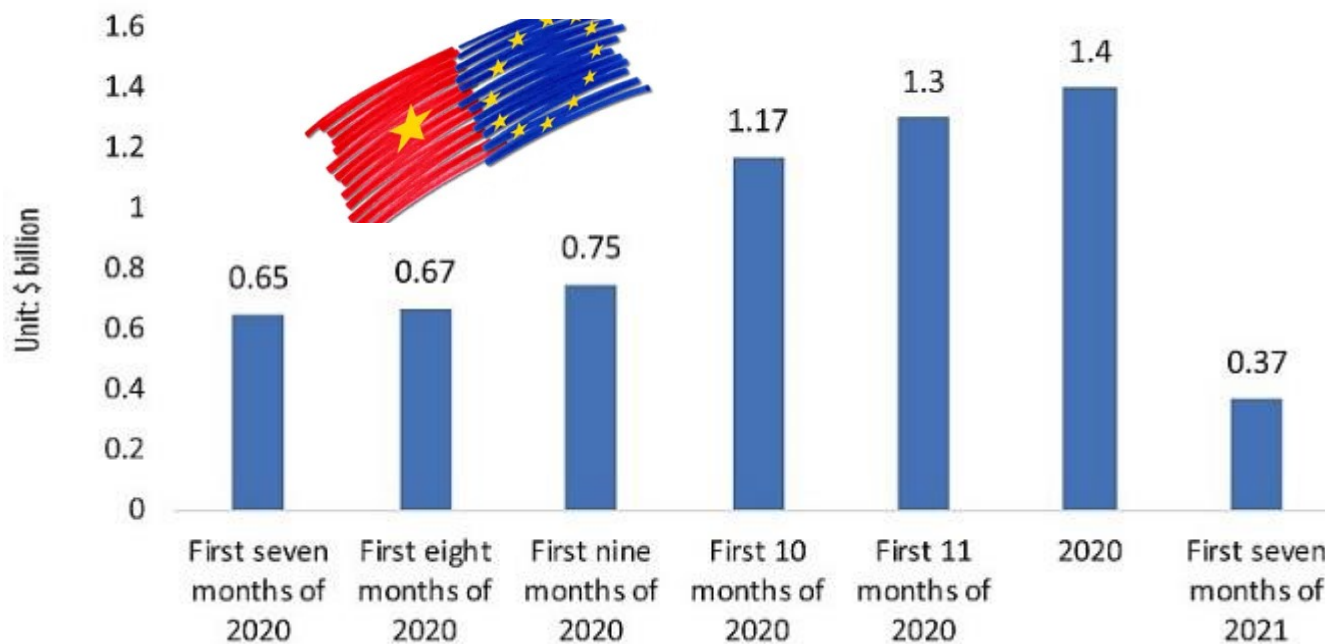


Source: GSO Sep2021

Vietnam's FTA and investment protection

EU's FDI was constantly increasing until 2020

EU investment in Vietnam over the past year



Source: Ministry of Planning and Investment

Source: GSO Sep2021

Role of the EU for the Vietnamese economy

EU is an important factor for VN

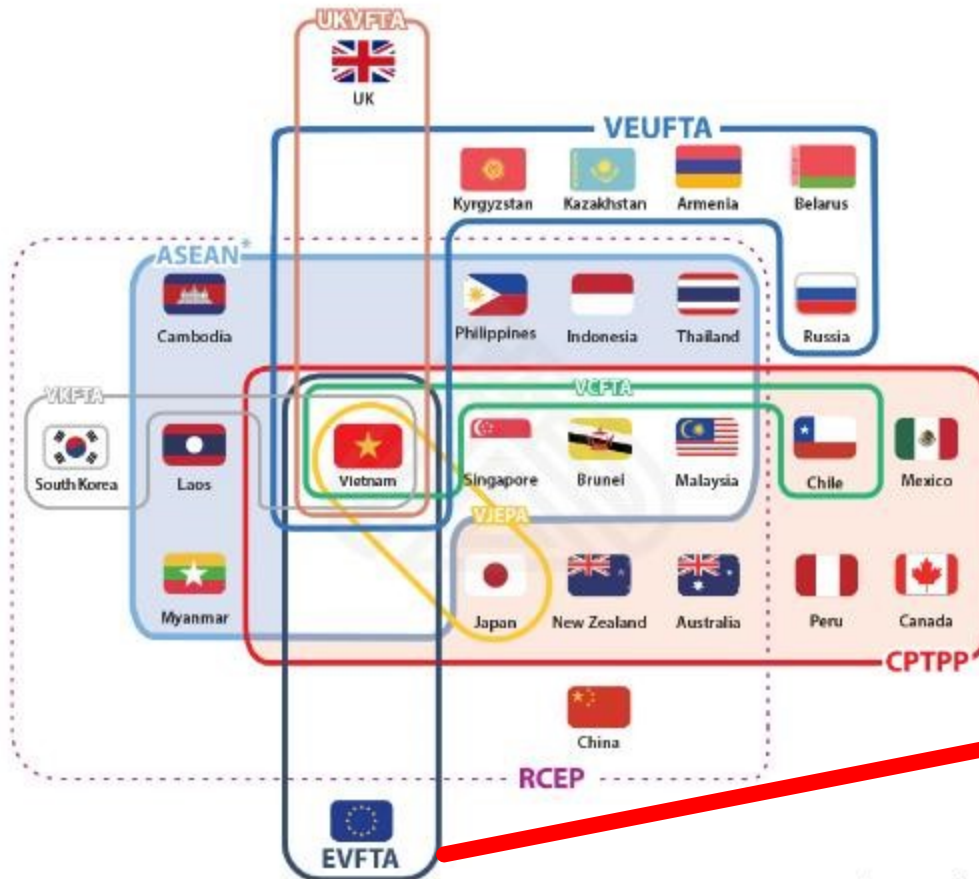
- Important trade partner: trade volume 49.8bn USD in 2020
- Registered FDI: 22,25 bn USD in 2020-8M/2021
- 2.240 EU FDI projects
- Rank 7th out of all foreign investors
- Higher EU engagement, since FDI partly via 3rd countries
- Significantly active in the areas of high tech
- EU as neutral 3rd party, balancing Chinese-/US-influence



EVFTA: A solid basis for EVIPA

Vietnam is fully integrated into a system of FTA

Free Trade Agreements



EVFTA:
„New Generation FTA“

Graphic © Asia Briefing Ltd.

Source: Dezan, Shira & Associates

Content of EVIPA

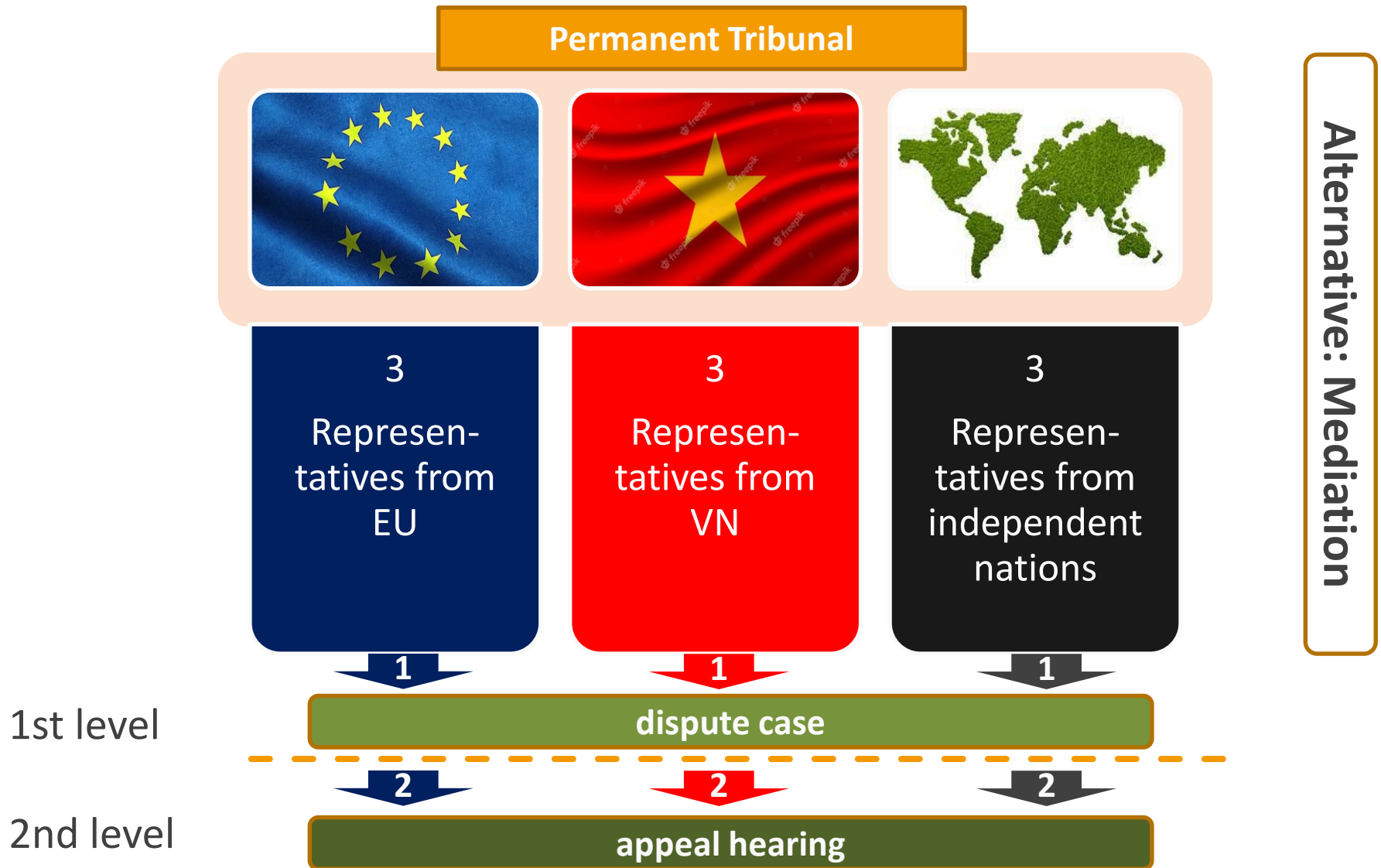
History of EVIPA

- Negotiations: 2012 – 2015
- Target: Protect investors and their funding in VN and the EU
- Replacing existing 21 existing bilateral investment agreements
- Ratified by EP (2/2020) and QHVN (6/2020)
- Ratification needed by EU member state parliaments
- Up to date, ratified by 7: CZ, Estonia, Greece, Latvia, Romania, Sweden and Hungary
- no one-way street: EU-China Comprehensive Agreement on Investment was suspended in 5/2021



Content of EVIPA

Dispute settlement – a great step ahead



EVIPA and EU investors

Advantages of EVIPA for VN:

- Challenge: Bypassing of local legislation
- Growing confidence of investors
- Attracting more high quality investments from EU, e.g. in the areas of manufacturing, renewables, telecom, finance, transportation, logistics, distribution
- Spill-over effects and knowledge transfer
- Companies benefit from high quality goods and services from EU
- VN becomes a more attractive destination
- Promotion of VN's integration into the global value chain
- More chances to profit from relocation from China

Vietnam's road ahead


What should be done?

- Living with Covid19?
- Careful fiscal and monetary policies
- Improvement of production, human resources and infrastructure
- Accelerating digital economy
- System of FTAs (RCEP, EVFTA)
- Liberal politics and rule of law
- Using EVIPA's momentum
- Balance between US and China





Thank you very much



Hội thảo Quốc tế FDI TOÀN CẦU VÀ ỨNG BIẾN CỦA DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI



BỨC TRANH FDI TOÀN CẦU VÀ ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT FDI THẾ HỆ MỚI CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI SUY GIẢM TRÊN DIỆN RỘNG

PGS.TS. Hà Văn Hội - Trường đại học Kinh tế - ĐHQGHN



Nội dung

01

Thế giới 2020: Kinh tế toàn cầu suy giảm trên diện rộng

02

Bức tranh FDI toàn cầu trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy giảm mạnh

03

Đánh giá tình hình thu hút FDI của Việt Nam

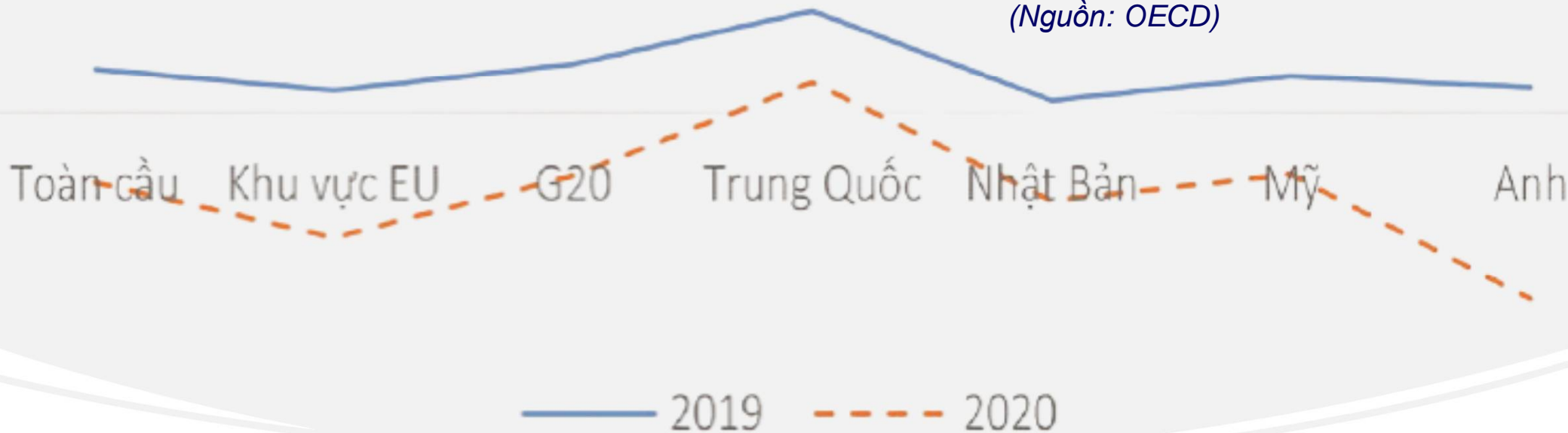
04

Một số giải pháp đẩy mạnh thu hút FDI thế hệ mới của Việt Nam



Tăng trưởng kinh tế của một số nước và khu vực

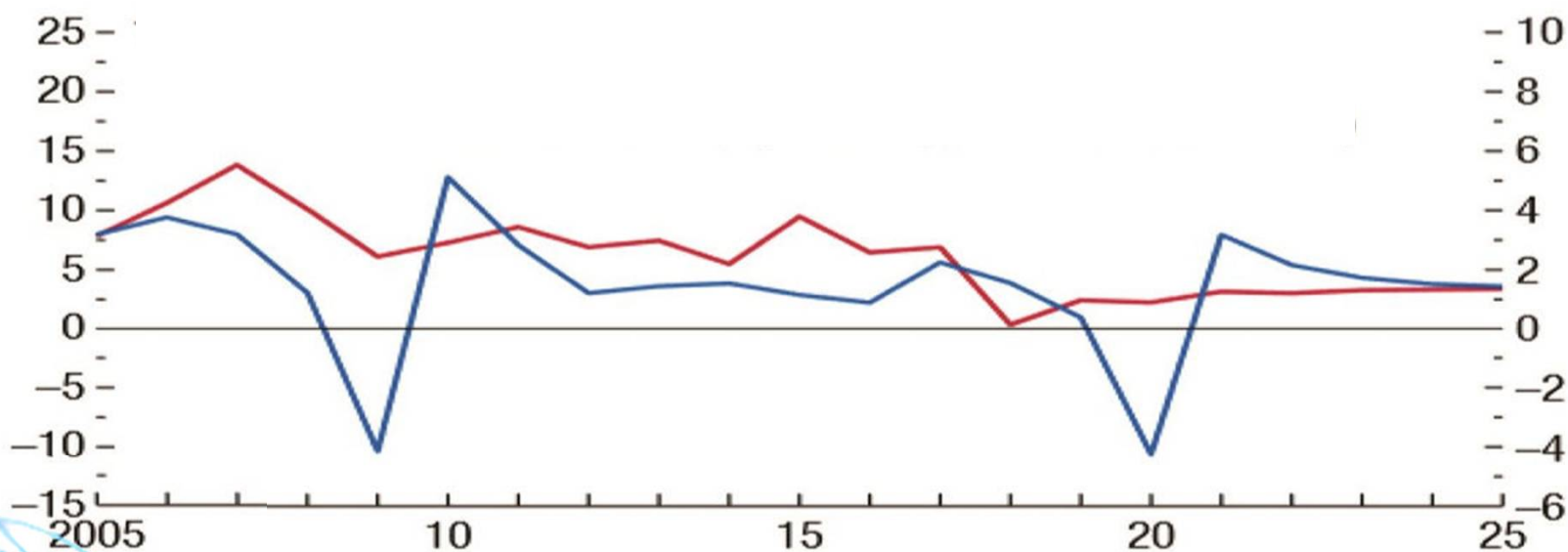
(Nguồn: OECD)



1- Kinh tế toàn cầu 2020 suy giảm trên diện rộng

- ✓ Năm 2020, kinh tế toàn cầu phải đối diện với nhiều khó khăn và thách thức do tác động của đại dịch Covid-19
- ✓ Kinh tế thế giới 2020 suy giảm mạnh. Phần lớn các nền kinh tế đều tăng trưởng âm, ngoại trừ Trung Quốc, Ai Cập và Việt Nam.
- ✓ Tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2020 OECD đạt - 4,2%.

Diễn biến tăng trưởng thương mại và FDI toàn cầu



Tăng trưởng thương mại toàn cầu 2020 (%)
FDI toàn cầu 2020 (% GDP)
(Nguồn: WEO report)



2- Bức tranh FDI toàn cầu 2020 trong bối cảnh KTTG suy giảm trên diện rộng



FDI toàn cầu giảm mạnh từ 1.500 tỷ USD (2019) xuống khoảng 859 tỷ USD (2020)

1

2

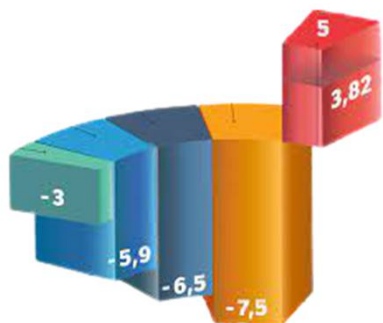
3

4

5

FDI năm 2020 thấp hơn 30% mức đáy sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2009

Sự suy giảm vốn FDI ở các nước đang phát triển là khoảng 12% xuống còn 616 tỷ USD.

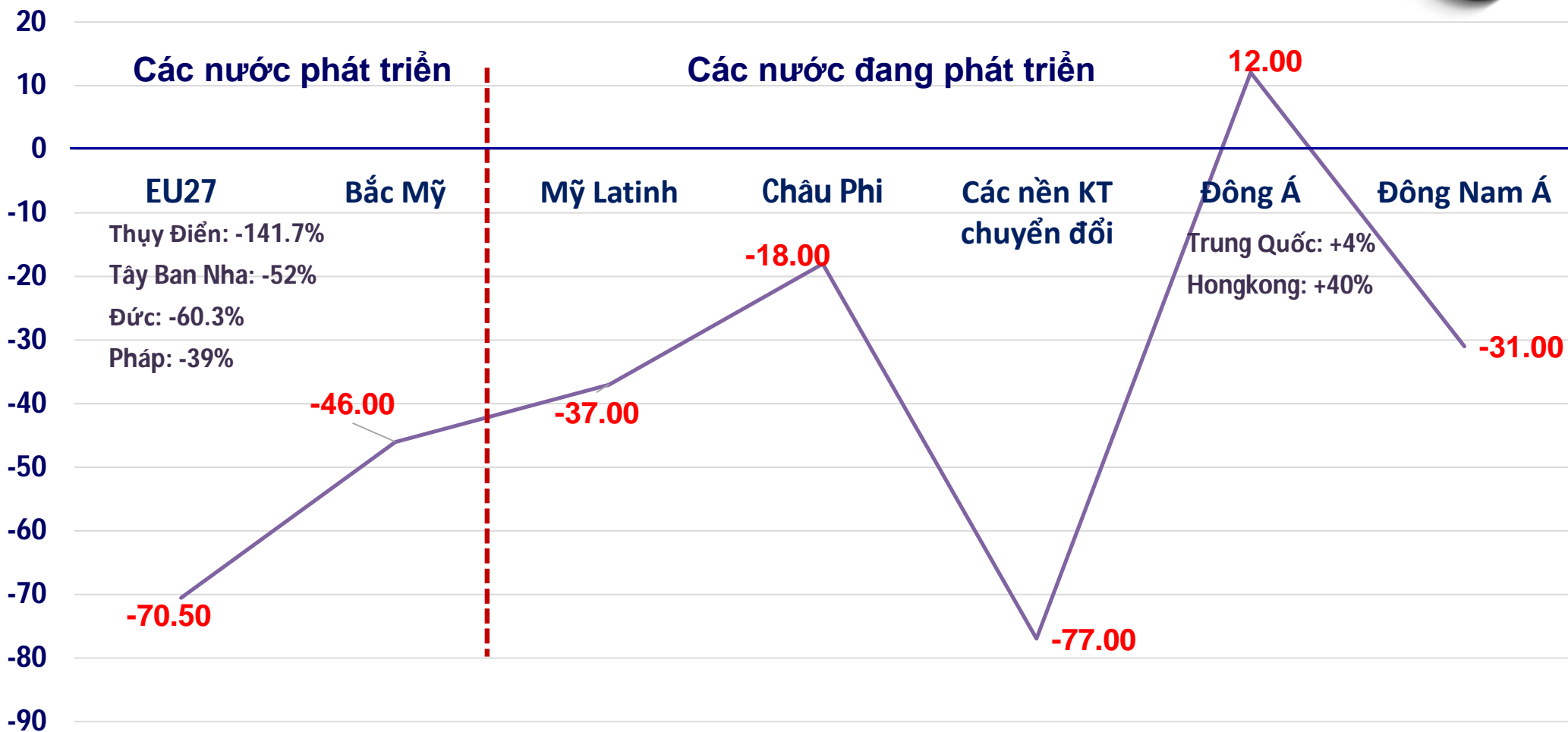


UNCTAD: FDI sẽ tiếp tục suy giảm trong 2021, đe dọa đà phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19.

Sự giảm sút tập trung ở các nước phát triển, vốn FDI giảm 69% còn khoảng 229 tỷ USD, mức thấp nhất trong 25 năm qua.



Suy giảm FDI tại các khu vực 2020 (Đơn vị %)



Dự báo FDI toàn cầu 2021 (Đơn vị %)

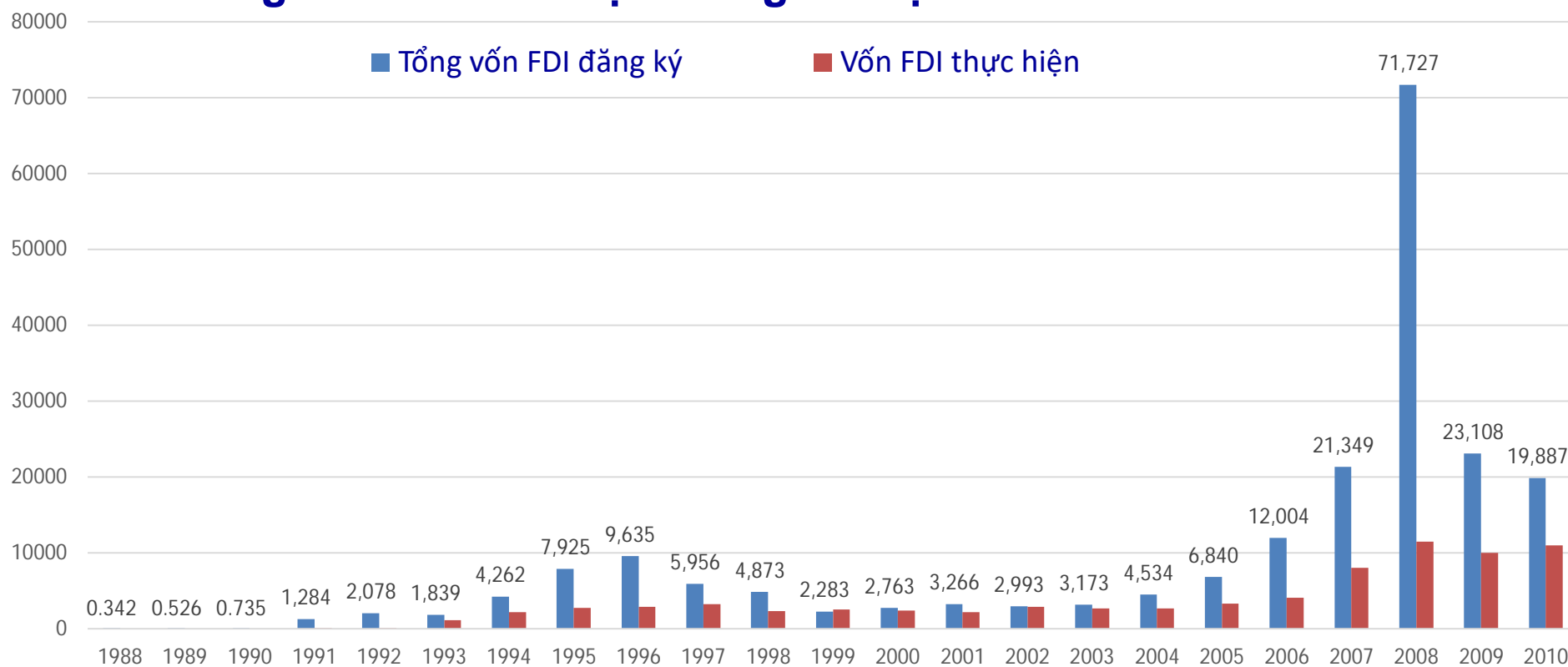


- ❖ Chu chuyển FDI vẫn sẽ còn yếu do sự không chắc chắn về tình hình đại dịch Covid-19 cũng như môi trường chính sách đầu tư toàn cầu.
- ❖ Sự gia tăng trong chu chuyển FDI toàn cầu năm 2021 không phải là ĐT mới vào tài sản SX mà từ M&As xuyên quốc gia, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ và y tế
- ❖ Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ đang thu hút số lượng kỷ lục các thỏa thuận trong các lĩnh vực tư vấn IT và công nghệ số, bao gồm các nền tảng TMĐT, dịch vụ xử lý dữ liệu và thanh toán điện tử.
- ❖ Khoảng 80% các công ty thu mua có trụ sở ở các nền KTPT, chủ yếu là ở Châu Âu, tuy nhiên một vài MNCs ở các nước đang phát triển cũng là những người mua tích cực. (UNCTAD)

3- Đánh giá tình hình thu hút FDI của Việt Nam

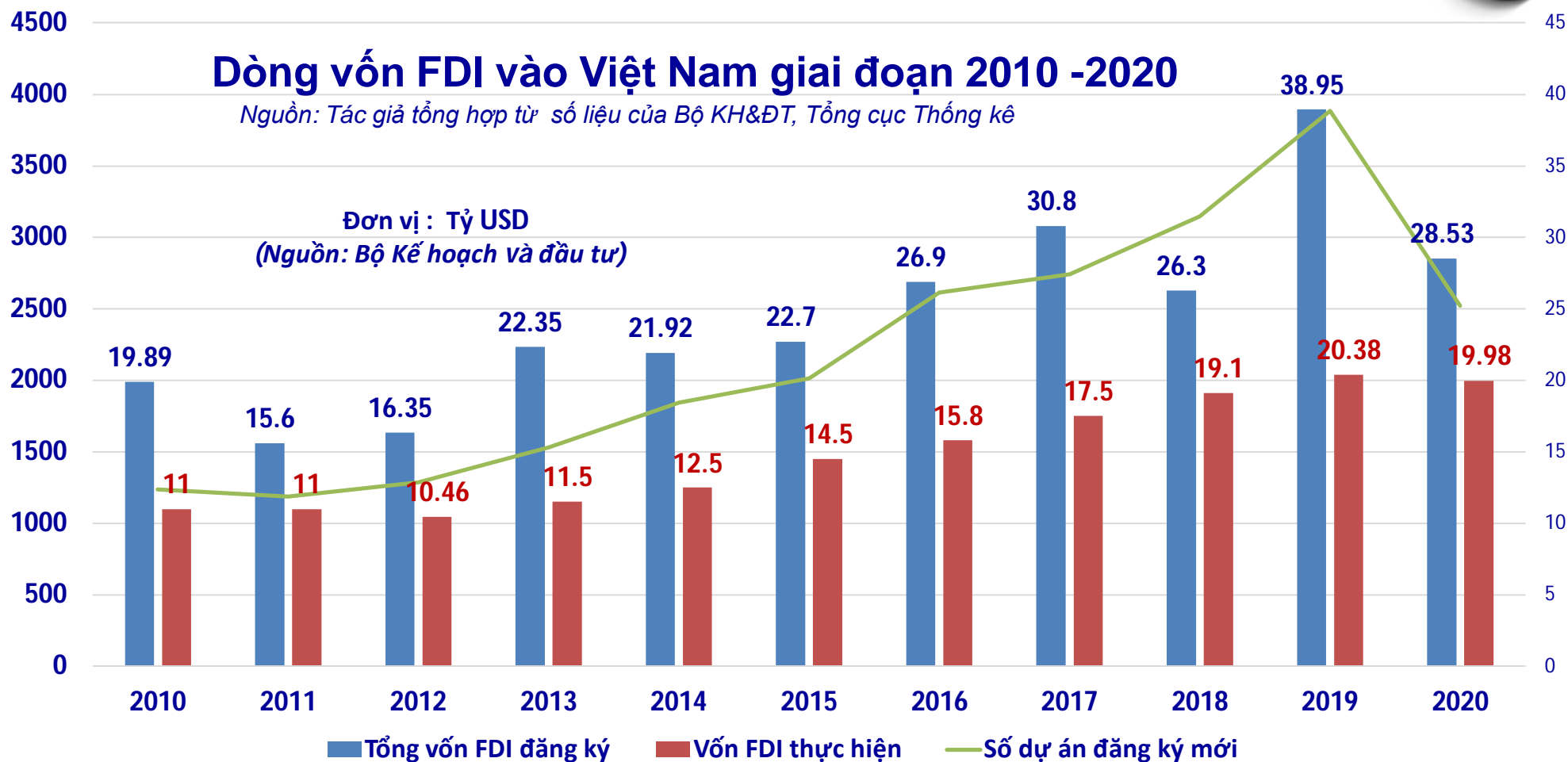


Dòng vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn 1988 - 2010

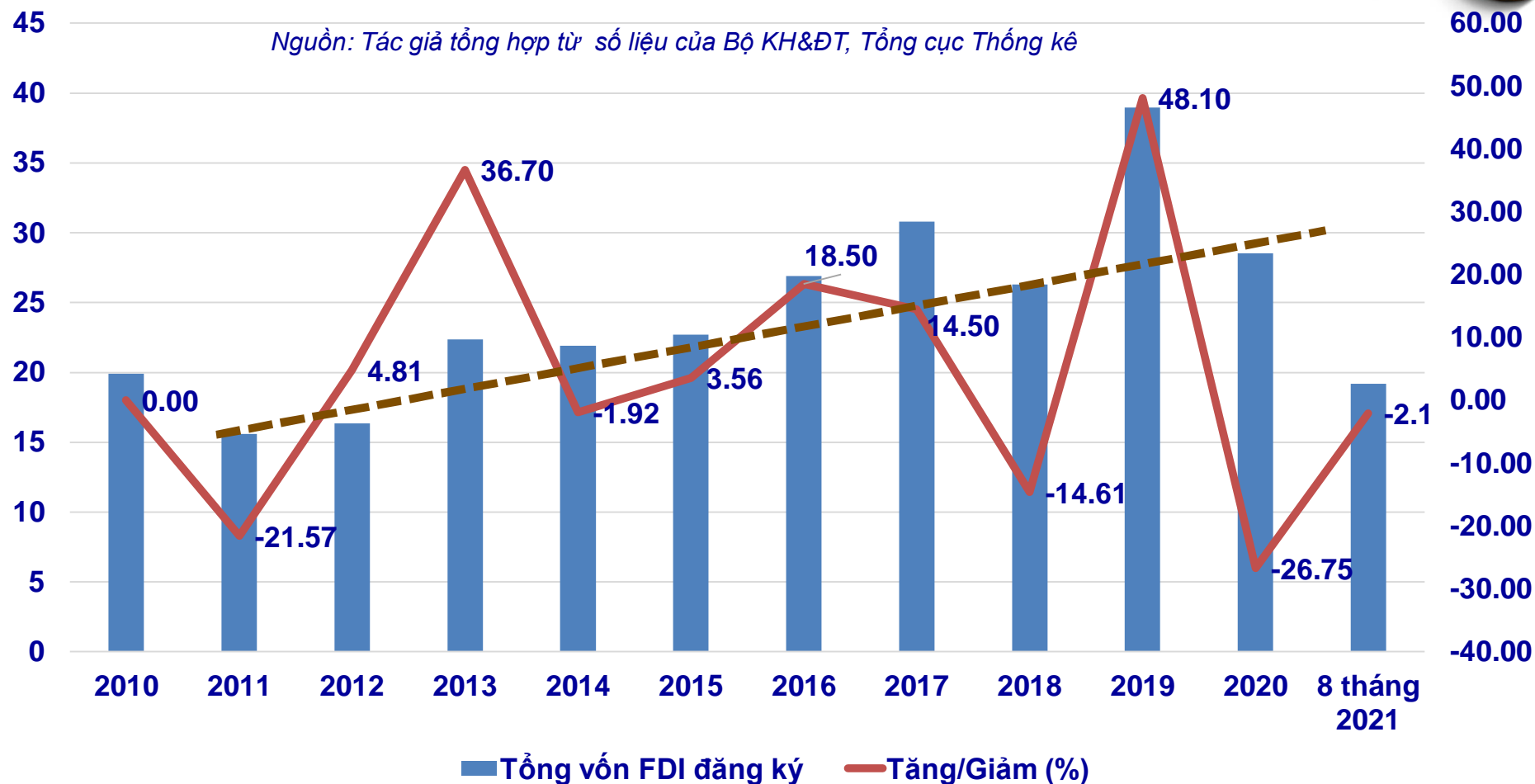


Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Bộ KH&ĐT, Tổng cục Thống kê

3- Đánh giá tình hình thu hút FDI của Việt Nam (t)



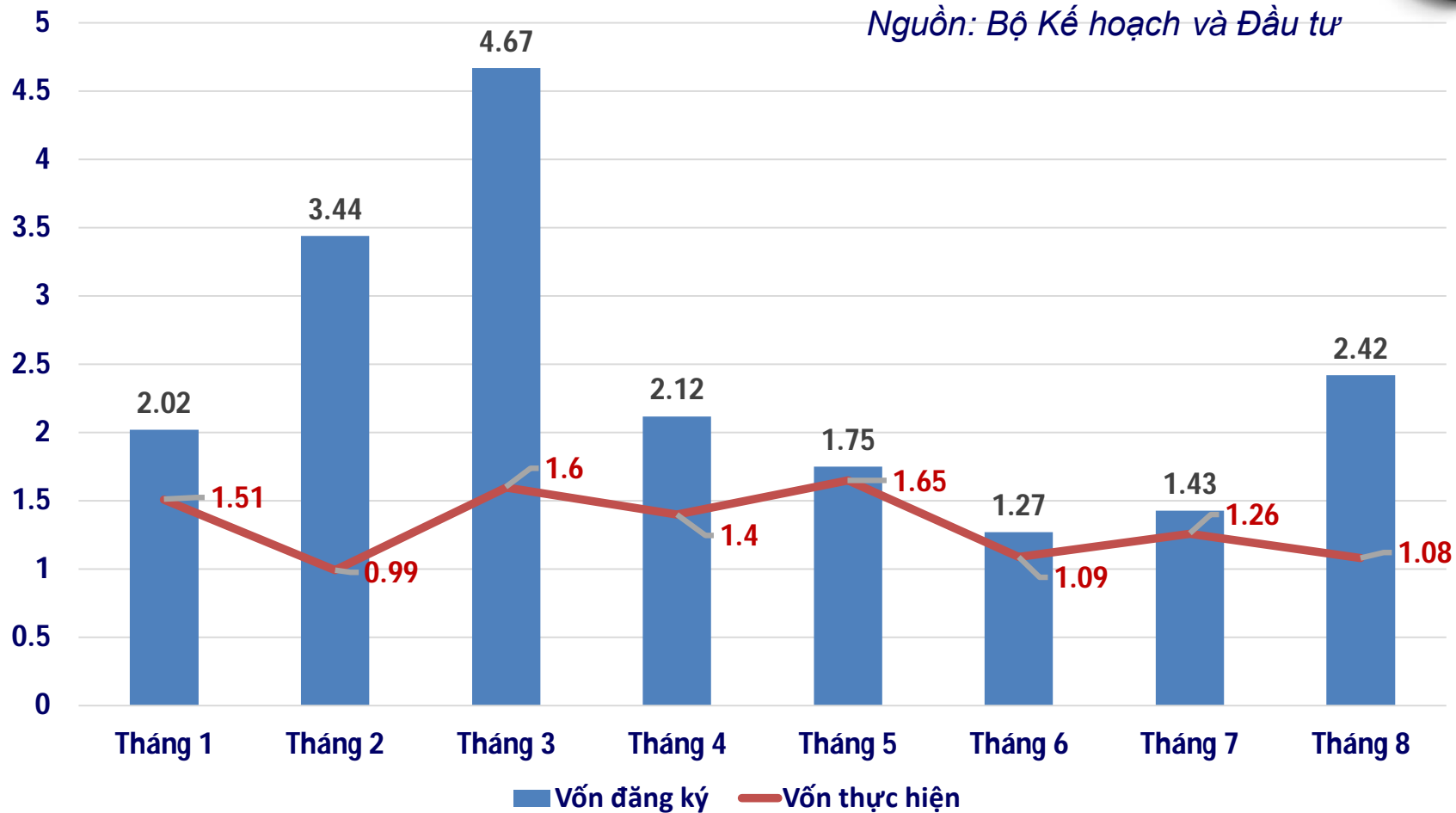
So sánh dòng vốn FDI vào Việt Nam qua các năm Giai đoạn 2010 -2020 (%)



Tình hình thu hút FDI vào Việt Nam 8 tháng 2021 (Đơn vị: Tỷ USD)



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư



Chất lượng dòng vốn FDI



Trong thời gian gần đây, thu hút vốn FDI vào Việt Nam đã bắt đầu có những chuyển hướng tích cực về chất lượng dòng vốn:

- 01** Thu hút FDI từ các tập đoàn lớn, công nghệ cao, tạo điều kiện chuyển giao công nghệ, kiến thức và bí quyết, tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam
- 02** Góp phần tạo ra việc làm "tử tế" và giá trị gia tăng, tăng cường nền tảng kỹ năng cho các thành phần kinh tế của Việt Nam
- 03** Doanh nghiệp FDI hoạt động một cách có trách nhiệm với xã hội và môi trường FDI vào lĩnh vực năng lượng "xanh"





Hạn chế của dòng vốn FDI



Tình trạng ô nhiễm môi trường, rủi ro mất an ninh năng lượng, an ninh tài chính từ một số dự án FDI



Các dự án công nghệ cao và mang lại nhiều giá trị gia tăng chiếm tỷ trọng nhỏ trong đầu tư FDI và chưa thu hút được công nghệ nguồn

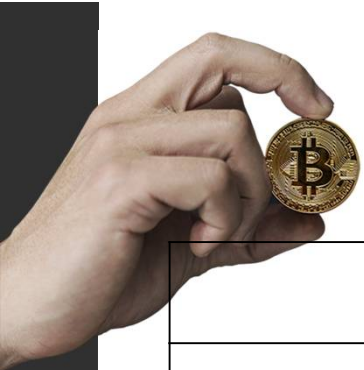


Mức độ kết nối, lan tỏa của khu vực đầu tư nước ngoài đến khu vực đầu tư trong nước còn thấp



Chuyển giao công nghệ, nhất là công nghệ cao từ doanh nghiệp FDI đến nay vẫn còn hạn chế, chưa đạt kỳ vọng





Xếp hạng các quốc gia về chuyển giao công nghệ từ khu vực FDI

Nguồn: Báo cáo Diễn đàn kinh tế thế giới 2018

Thứ hạng	Quốc gia	Điểm số
2	Singapore	5.9
13	Malaysia	5.4
40	Thái Lan	4.8
44	Indonesia	4.7
49	Trung Quốc	4.7
54	Campuchia	4.6
63	Philippines	4.5
89	Việt Nam	4.1

4- Một số giải pháp đẩy mạnh thu hút FDI thế hệ mới của Việt Nam



Có các chính sách ưu đãi vượt trội, mang tính cạnh tranh, để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các MNCs đầu tư, thành lập các trung tâm R&D, đổi mới sáng tạo tại VN với các dự án trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao, ít tác động tiêu cực tới môi trường

Thứ nhất



Triển khai có hiệu quả NQ của BCT về định hướng hoàn thiện thể chế, CS, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác ĐTNN đến năm 2030. Tăng cường liên kết giữa ĐTNN và ĐT trong nước, khuyến khích chuyển giao công nghệ và quản trị cho DNVN

Thứ hai



Xúc tiến ĐT, mời gọi các MNCs có thế mạnh về công nghệ, vốn, kỹ năng quản lý đầu tư vào VN; Đẩy mạnh liên kết với DN trong nước hình thành và phát triển cụm liên kết ngành theo từng chuỗi giá trị

Thứ ba



Chủ động theo dõi, đánh giá xu hướng dịch chuyển dòng vốn FDI và công nghệ vào Việt Nam để lựa chọn và thu hút những dự án đầu tư phù hợp

Thứ tư



FDI



Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để tiếp nhận FDI thế hệ mới, tiếp nhận CGCN từ các nhà ĐTNN

Thứ năm





*Thank you
for Listening!*



International Conference
GLOBAL FDI AND RESPONSES OF FDI ENTERPRISES
IN VIETNAM IN THE NEW CONTEXT



GLOBAL FDI AND VIETNAM'S ORIENTATION FOR
ATTRACTING NEW-GENERATION FDI
IN A LARGE-SCALE DECLINE OF GLOBAL ECONOMY

Assoc.Prof – Ph.D. Ha Van Hoi - University of Economics and Business -
Vietnam National University, Hanoi



Main Content

01

World in 2020: A large-scale decline of global economy

02

International FDI in a deep downtrend of the global economy

03

Inward FDI's attraction of Vietnam

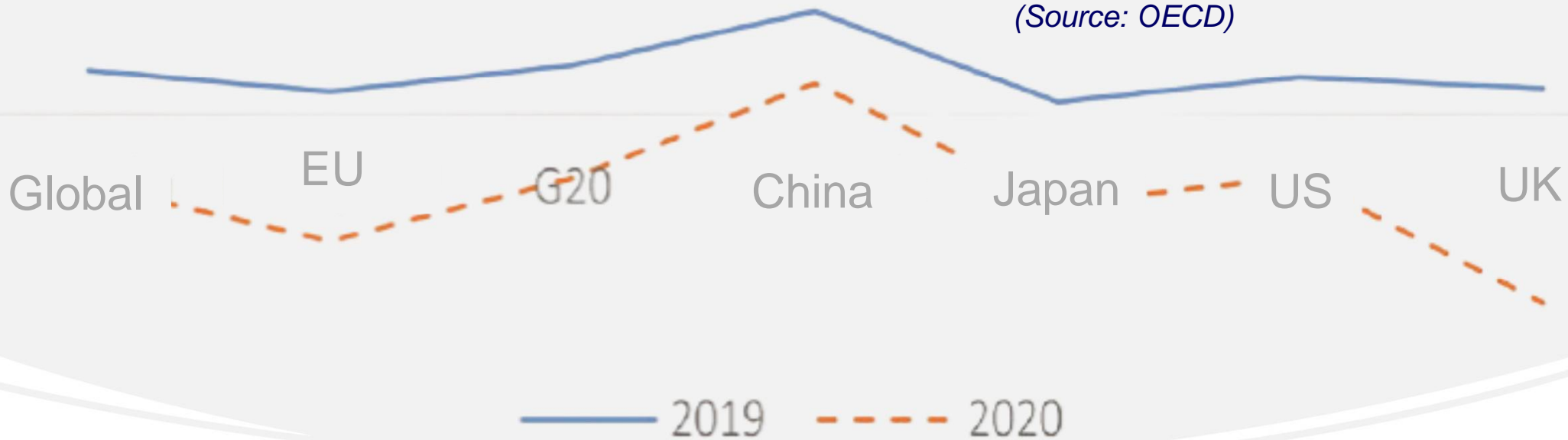
04

Methods to promote new-generation FDI flows into Vietnam



GDP Growth In Some Countries And Areas

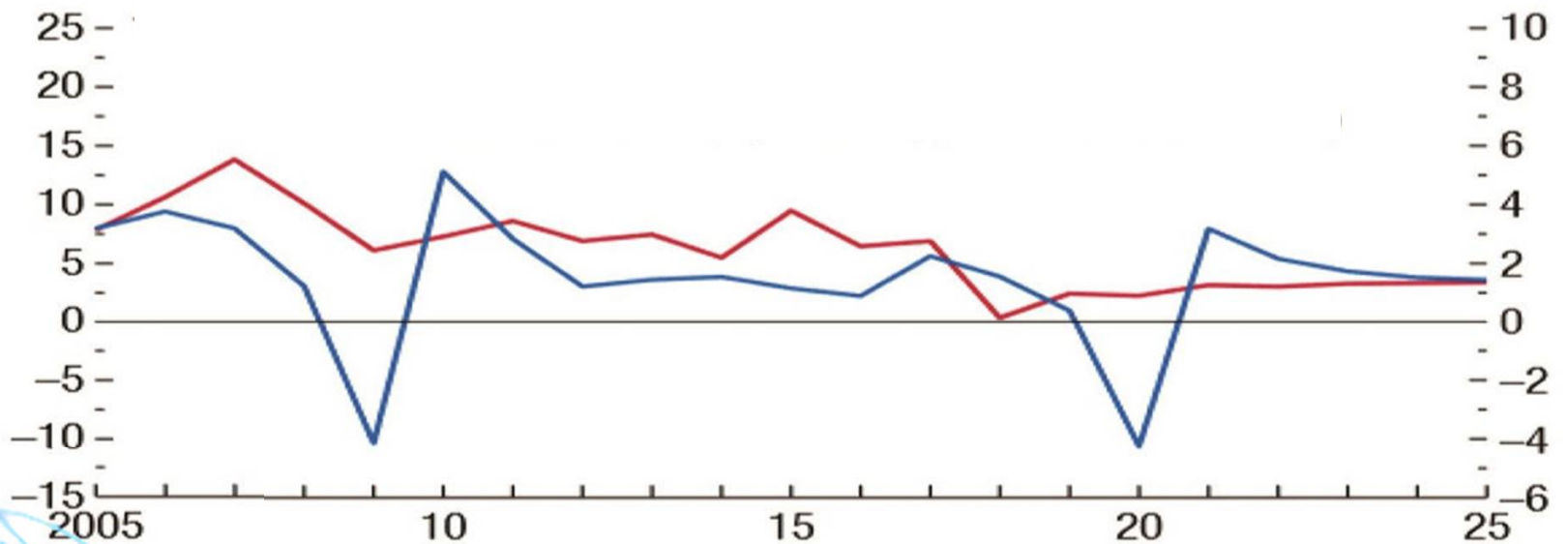
(Source: OECD)



1- World in 2020: A large-scale decline of global economy

- ✓ In 2020, the global economy faced many difficulties and challenges due to the impact of the Covid-19 pandemic.
- ✓ The world economy decreased sharply. Most economies have negative growth, except China, Egypt and Vietnam.
- ✓ Global economic growth of OECD reached 4.2%.

Global Trade and FDI



International Trade Growth in 2020 (%)
Global FDI in 2020 (% GDP)
(Source: WEO report)



2- International FDI in a deep downtrend of the global economy



Global FDI sharply decreased from US\$1,500 bil. (2019) down to US\$859 bil. (2020)

FDI in 2020 is 30% lower than bottom of global financial crisis in 2009

The FDI decline in developing countries is about 12%, down to \$616 bil.

1

2

3

4

5

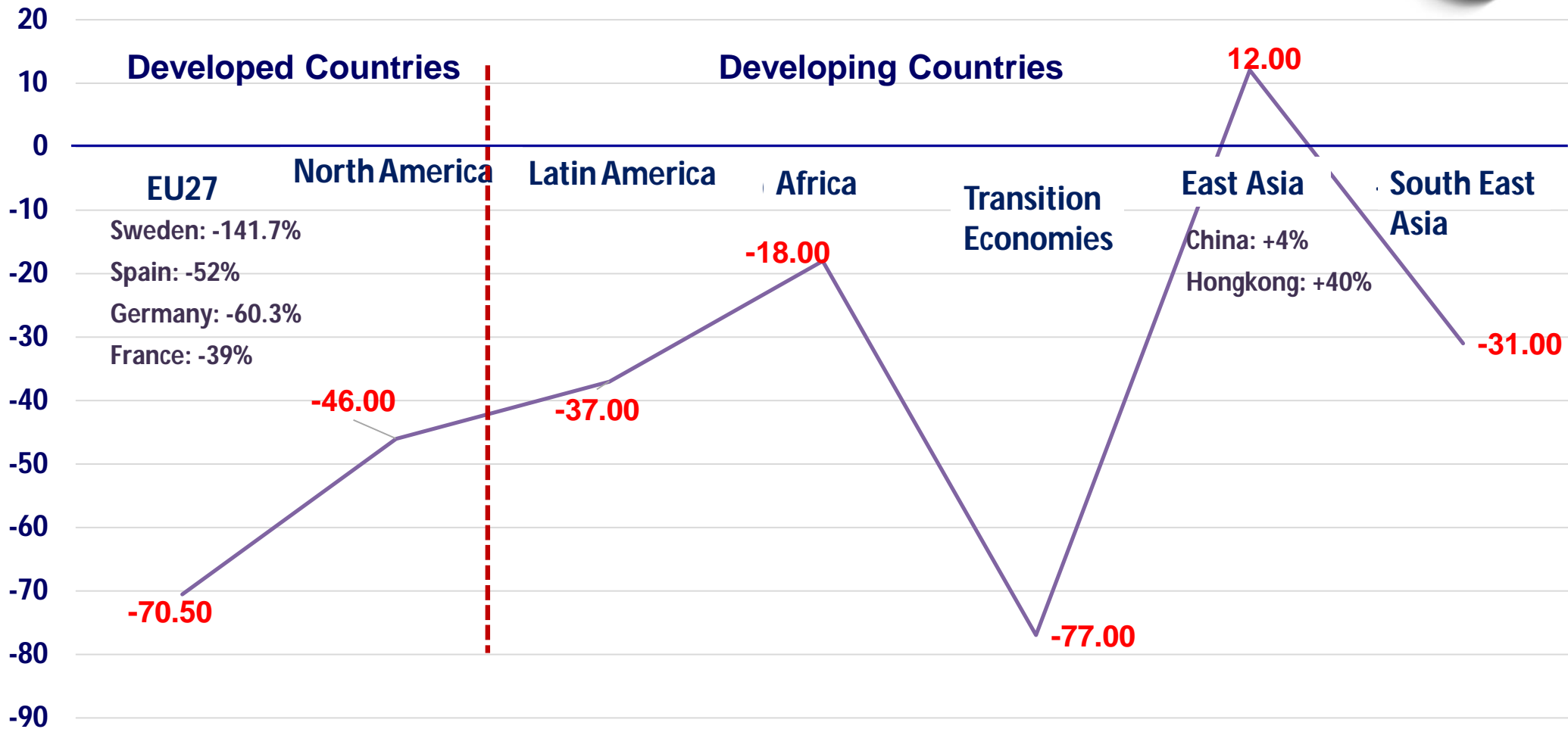


UNCTAD: FDI is forecasted to follow a downtrend in 2021, preventing economic recovery after COVID-19.

The decline concentrated in developed countries with FDI falling by 69% to about US\$229 bil., the lowest level in the past 25 years.



FDI Decrease in Some Areas in 2020 (%)



Forecast on Global FDI (%)

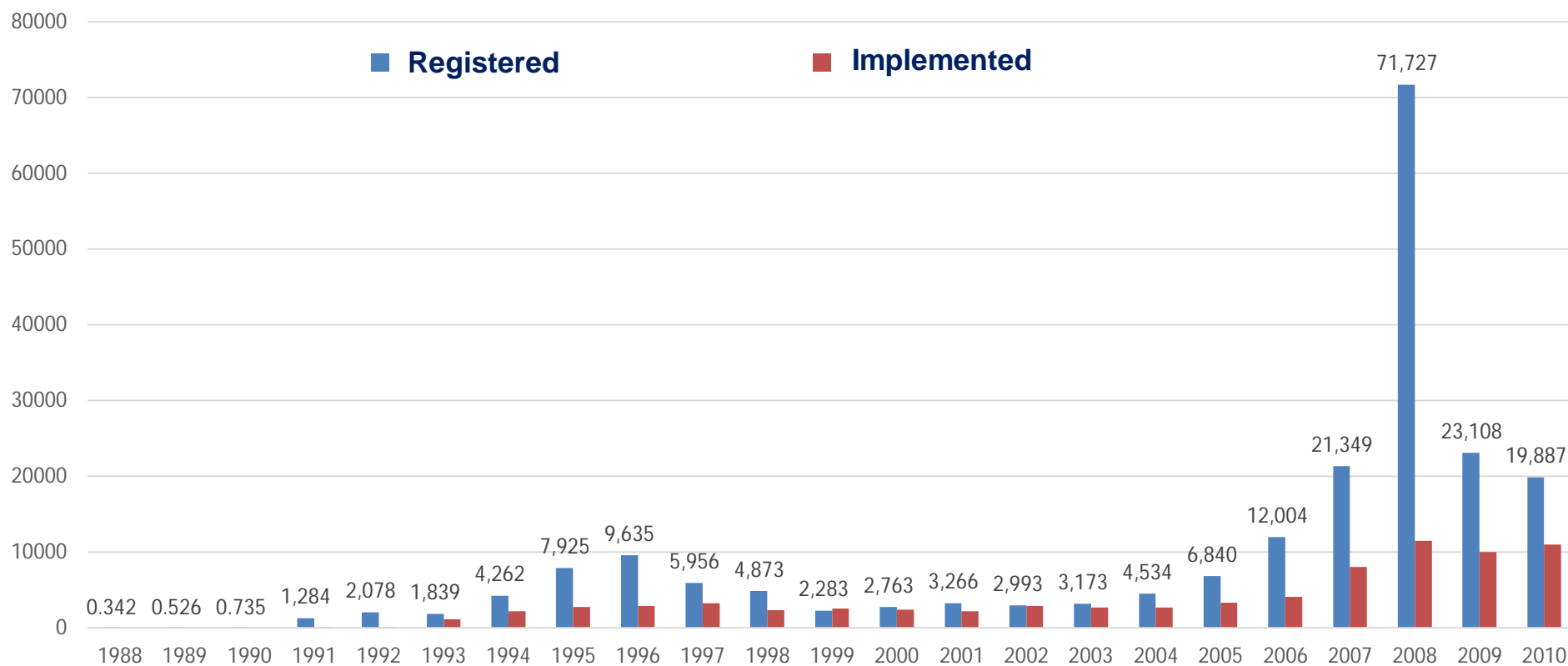


- ❖ Stagnant FDI flows due to uncertainty of global investment policies and Covid-19 pandemic.
- ❖ Increase in FDI flows is caused by cross-border M&As, especially in technology and health industries, not by greenfield investment in production
- ❖ India and Turkey are attracting a record number of deals in the fields of IT and digital technology consulting, including e-commerce platforms, data processing services and electronic payments.
- ❖ About 80% of the acquirers are based in the developed economies, mainly in Europe, however a few MNCs in developing countries are also active buyers. (UNCTAD)

3- Inward FDI's attraction of Vietnam

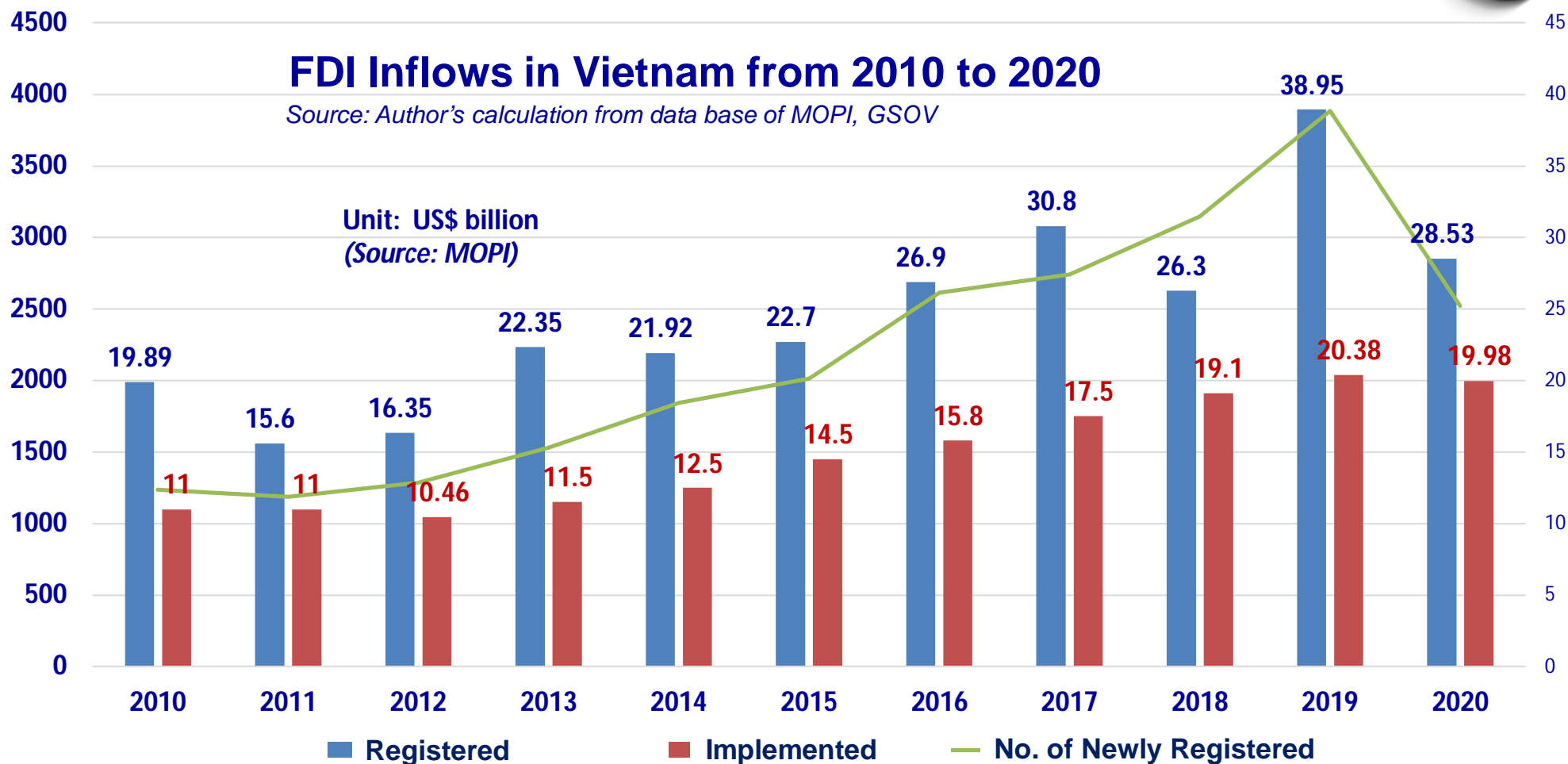


FDI Inflows in Vietnam from 1988 to 2010

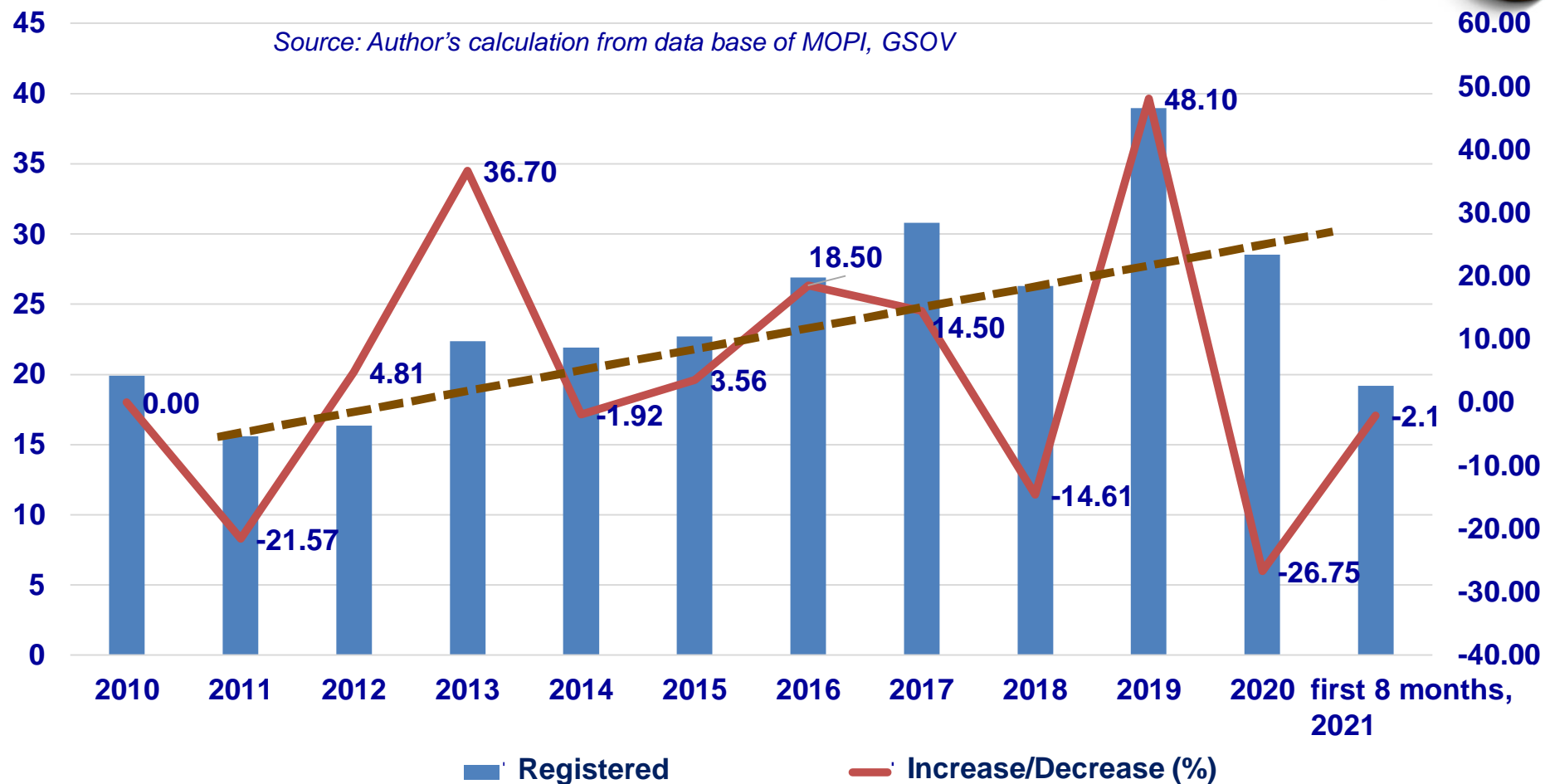


Source: Author's calculation from data base of Ministry of Planning and Investment (MOPI), General Statistics Office of Vietnam (GSOV)

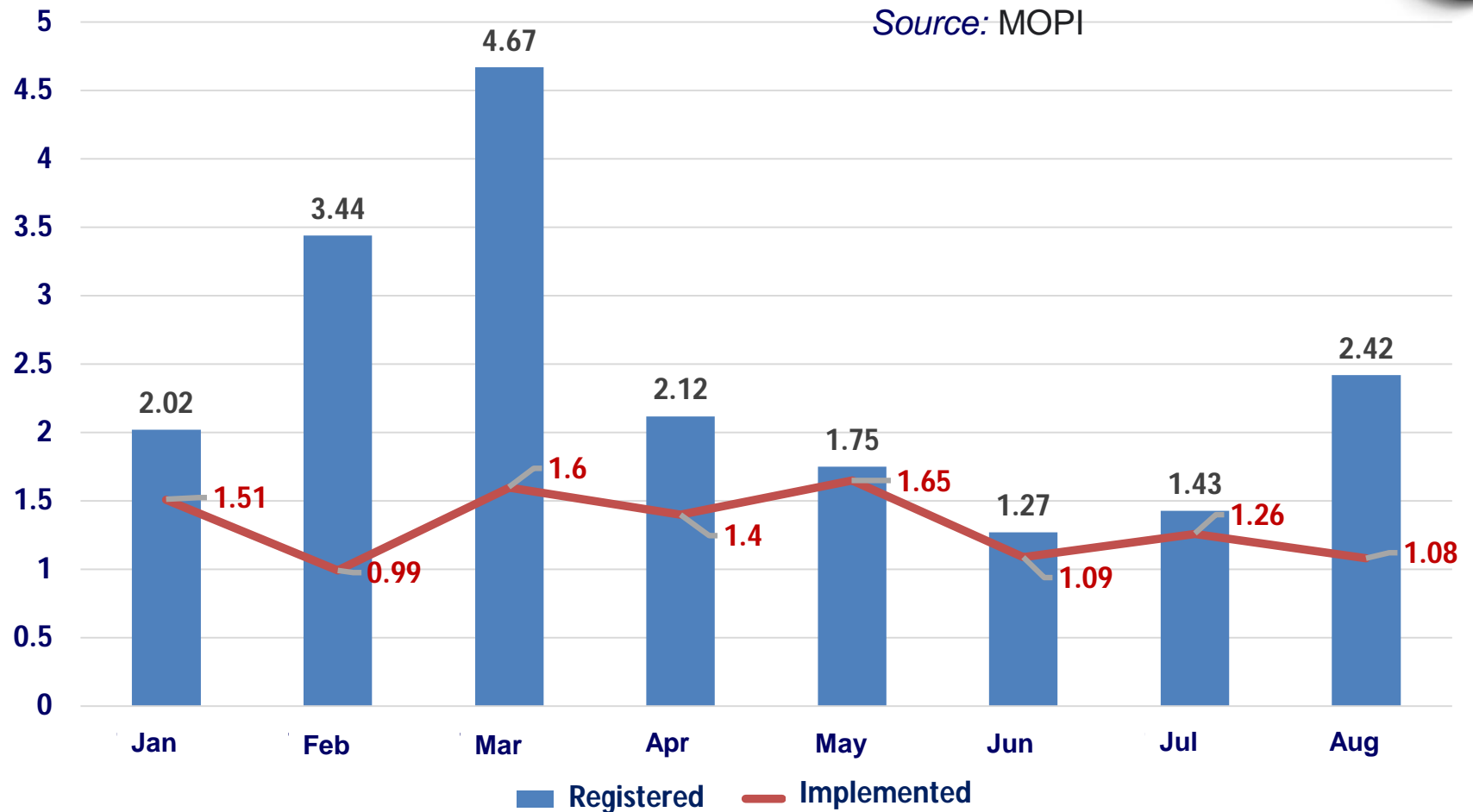
3- Inward FDI's attraction of Vietnam (cont.)



FDI Inflows in Vietnam from 2010 to 2020



FDI Inflows in Vietnam in the first 8 months of 2021 (US\$bil.)

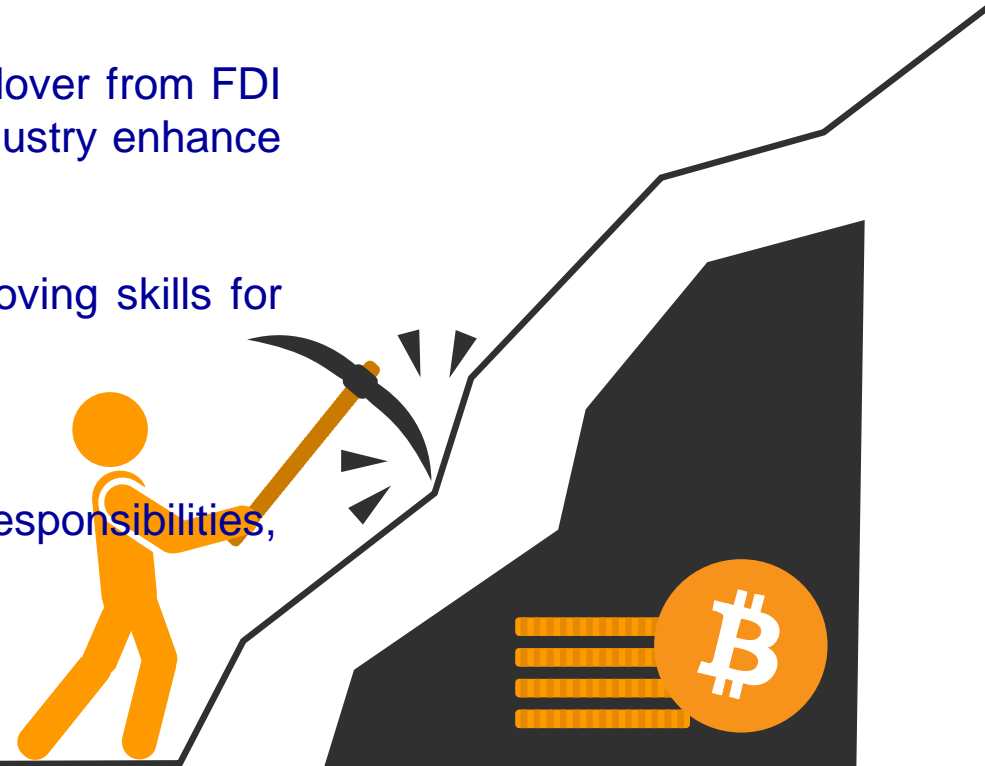


Quality of FDI Inflows



Recently, attracting FDI into Vietnam has shown positive changes in the quality of capital flows

- 01 Technology, knowledge and know-how spillover from FDI of multinational enterprises in high-tech industry enhance domestic companies' competitiveness
- 02 Creating "fair" jobs and added value, improving skills for Vietnamese employees
- 03 FDI firms have environmental and social responsibilities, especially green-energy ones





Disadvantage of FDI Inflows



Environmental pollution, risk of energy and financial insecurity caused by some FDI projects



FDI spillover effect on domestic investment is low

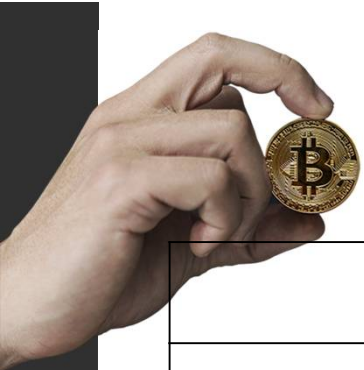


High-tech and value-added projects account for a small proportion of FDI inflows, project with source technology has not been attracted.



Technology transfer, especially high technology from FDI enterprises, is still limited and has not met expectation





Countries Ranking in Technology Transfer from FDI

Source: WEF Report 2018

Rank	Country	Score
2	Singapore	5.9
13	Malaysia	5.4
40	Thailand	4.8
44	Indonesia	4.7
49	China	4.7
54	Cambodia	4.6
63	Philippines	4.5
89	Vietnam	4.1

4- Methods to promote new-generation FDI flows into Vietnam



To have outstanding and competitive preferential policies to attract strategic investors and MNCs. To establish R&D and innovation centers in Vietnam for key national projects, high-tech projects with little negative impact on the environment

One



To effectively implement the Resolution of the Party on orientation for improving institutions and policies, quality and effectiveness of foreign investment by cooperation with technology and administration transfer a

Two



To promote investment, attract MNCs good at technology, capital, management skills To promote linkages with domestic firms and develop industry clusters suitable with each value chain

Three



To actively monitor and evaluate the trend of FDI and technology flows into Vietnam to select and attract suitable investment projects.

Four



FDI



To improve the quality of human resources to receive new generation FDI, receive technology transfer from foreign investors

Five





*Thank you
for Listening!*

HỘI THẢO QUỐC TẾ

International conference

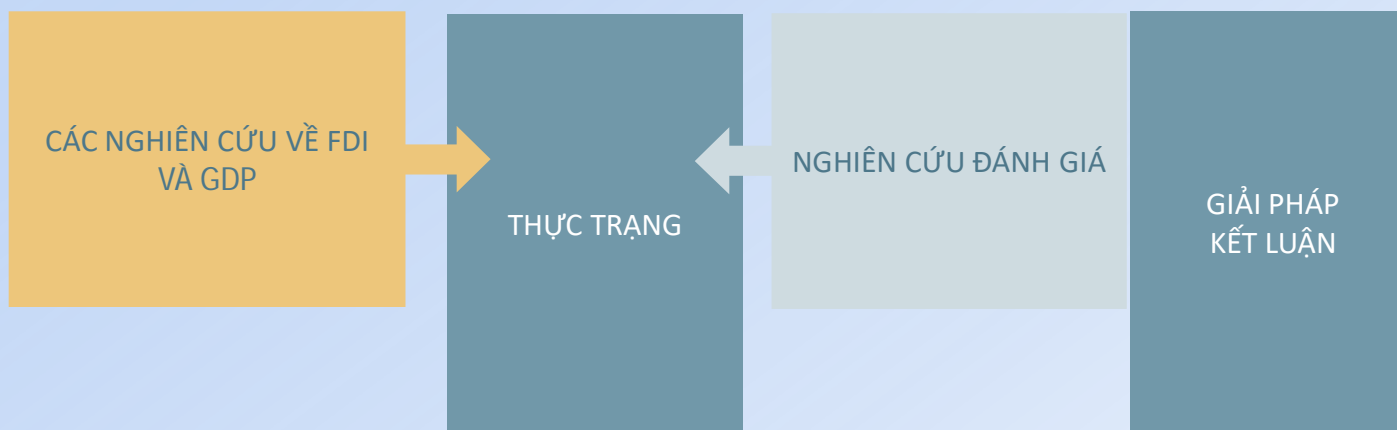
“FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI
tại Việt Nam trong bối cảnh mới”



PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010 -2020



NỘI DUNG



Lời mở đầu

LỊCH SỬ NC

Các nghiên cứu tương đối phong phú và ở các giai đoạn khác nhau

PHƯƠNG PHÁP

mô hình VAR, OLS hay mô hình ARDL (mô hình tự hồi quy phân phối trễ)

NỘI DUNG

FDI đối với tăng trưởng, đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, xuất khẩu, công nghệ, năng suất.

KẾT LUẬN

FDI góp phần làm tăng năng suất của các DN trong nước đóng góp vào tăng trưởng kinh tế

PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010 -2020

1

(FDI) và (GDP) trong giai đoạn 2010-2020

2

PPNC bình phương nhỏ nhất (OLS)

3

Đóng góp của FDI

4

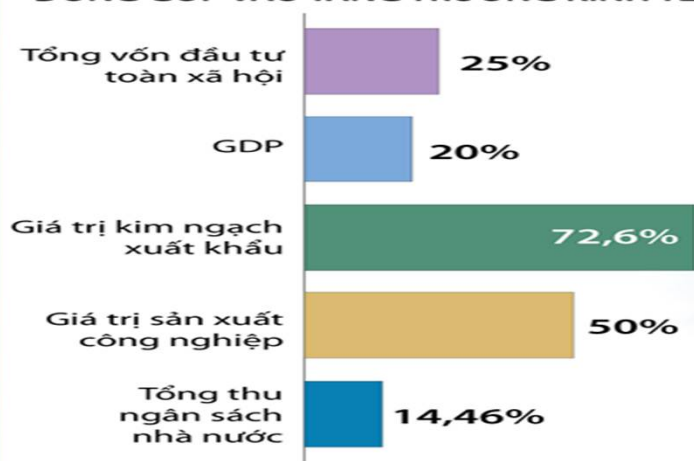
Chính sách thu hút vốn FDI

PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010 -2020

Vai trò của FDI với phát triển kinh tế

30 năm qua, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, bổ sung vào nguồn vốn đầu tư phát triển, tăng thu ngân sách, thúc đẩy xuất khẩu và nhiều lĩnh vực quan trọng khác.

ĐÓNG GÓP VÀO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ



FDI

Góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, nâng cao năng lực quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp

FDI

Nâng cao năng lực công nghệ, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

FDI

Góp phần thay đổi cơ cấu nền kinh tế, hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực

FDI

Thúc đẩy xuất nhập khẩu, thay đổi cơ cấu mặt hàng xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng hàng chế tạo có giá trị gia tăng cao

FDI

Mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế

FDI

Giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nguồn lao động

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; TTXVN

infographics.vn

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam (lũy kế đến T12/2020)

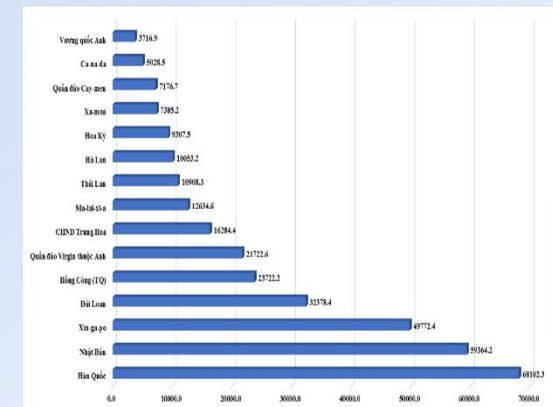
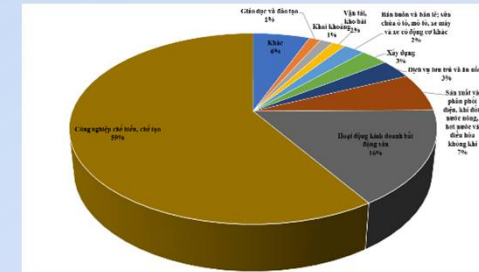
■ Theo cơ cấu đầu tư :

33.070 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký là 384 tỷ USD; vốn thực hiện lũy kế ước đạt 231,86 tỷ USD, bằng 60,4% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

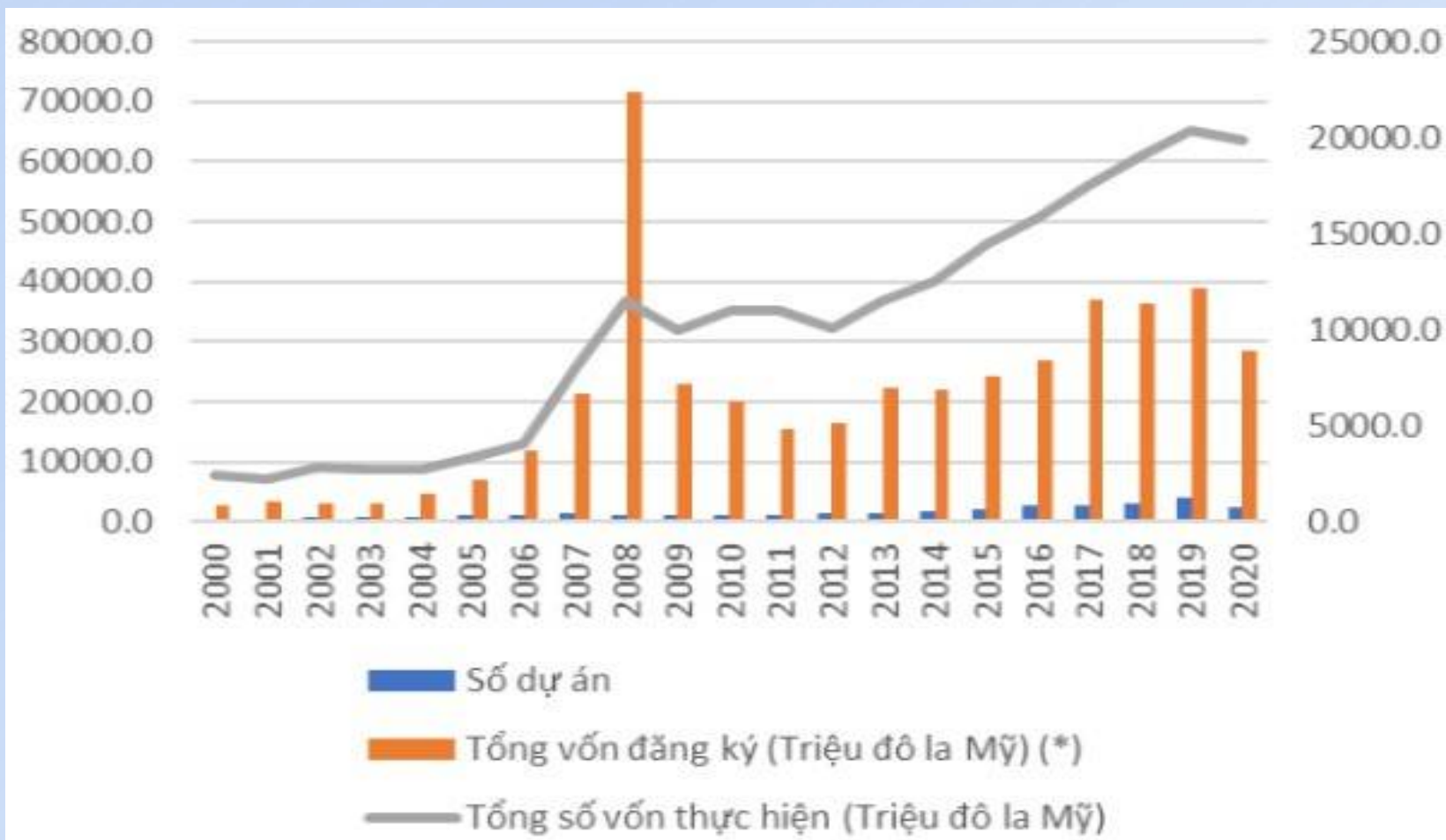
■ Theo lĩnh vực đầu tư: các doanh nghiệp FDI đã đầu tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân,

■ Cơ cấu theo vùng đầu tư

Thông kê cho thấy, các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư dàn trải vào 62 tỉnh, thành trên cả nước.



Số dự án, tổng số vốn đăng ký và tổng số vốn thực hiện của nguồn vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn 2010 – 2020



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TỔNG QUAN FDI VÀO VN NĂM 2020

- Trong năm 2020, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,53 tỷ USD, bằng 75% so với cùng kỳ năm 2019...

TỔNG QUAN FDI VÀO VIỆT NAM TRONG NĂM 2020

(Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 20/12/2020, so với cùng kỳ năm 2019)



(*) Bao gồm vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài

ĐẶC ĐIỂM CỦA FDI TRONG GIAI ĐOẠN 2010-2020

Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư FDI hàng năm ổn định ở mức 10,4%

Lĩnh vực đầu tư: Cơ khí, chế biến, chế tạo, kinh doanh bất động sản

Số dự án đăng ký trong ngành nông, lâm, thủy sản vẫn ít và chiếm tỷ trọng vốn rất thấp trong tổng vốn đăng ký.

Cuối năm 2020, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần (FDI) vào Việt Nam vẫn đạt con số 28,53 tỉ USD.

FDI vào Việt Nam đã có sự chuyển dịch về nguồn gốc

Hơn 80% doanh nghiệp FDI sử dụng công nghệ trung bình của thế giới, khoảng 5-6% sử dụng công nghệ cao, Liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI còn yếu,



CƠ HỘI THU HÚT FDI

Thuthuatphanmem.vn

Nội dung 01

Năm 2020, Việt Nam lần đầu tiên lọt top 20 nước thu hút nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhất thế giới.

Nội dung 02

Việt Nam ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên hiệp châu Âu (EVFTA).

Nội dung 03

Đầu tư môi trường kinh doanh, hạ tầng, nguồn nhân lực...

Số liệu GDP và Vốn FDI thực hiện giai đoạn Q1/2010 - Q4/2020

Chỉ tiêu/ Năm	FDI Vốn thực hiện (Triệu USD)				GDP theo giá hiện hành (Tỷ VND)			
	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4
2010	2,500	2,900	2,800	2,800	362,895	492,305	508,996	616,718
2011	2,370	2,930	2,340	2,800	441,707	628,223	640,284	824,794
2012	2,500	2,900	2,700	2,360	545,764	706,813	720,208	977,899
2013	2,700	3,000	2,900	2,880	683,668	830,435	906,778	1,163,380
2014	2,850	2,900	3,200	3,600	756,566	911,612	1,004,792	1,264,886
2015	3,050	3,240	3,350	4,950	808,883	970,287	1,072,220	1,341,472
2016	3,500	3,750	2,370	5,820	850,315	1,029,558	1,157,955	1,263,590
2017	3,620	3,100	4,780	5,000	931,607	1,127,215	1,272,433	1,676,602
2018	3,880	4,490	4,880	5,730	1,027,928	1,414,236	1,242,220	1,851,928
2019	4,120	4,880	5,120	6,180	1,116,680	1,366,899	1,539,114	2,010,887
2020	3,850	4,800	5,110	6,220	1,188,207	1,382,995	1,593,586	2.124.154

(Nguồn Vietstock và cục đầu tư nước ngoài)

Kết quả ước lượng

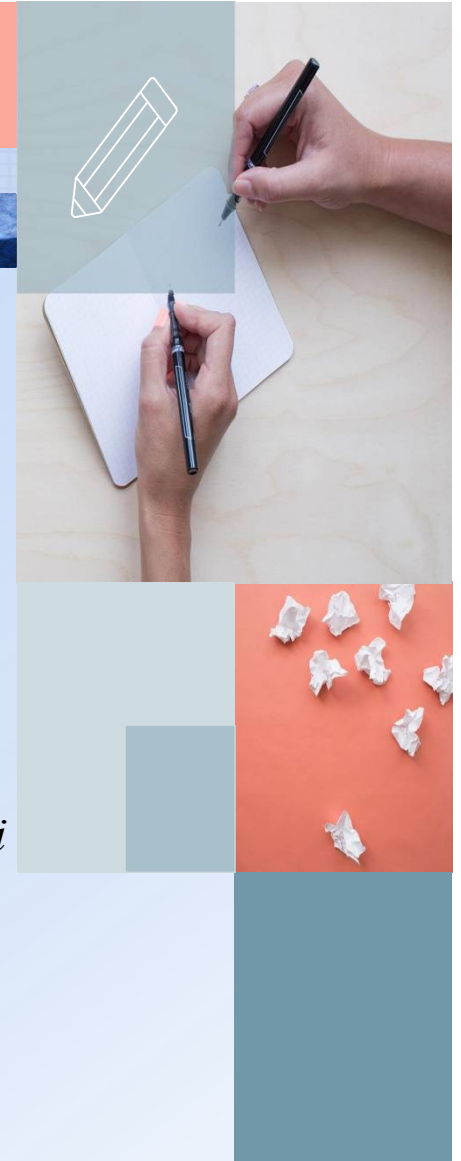
Bảng kết quả ước lượng OLS

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	4.399502	0.979171	4.493088	0.0001
LOG(FDI)	1.149980	0.119831	9.596717	0.0000
R-squared	0.686794	Mean dependent var		13.79044
Adjusted R-squared	0.679337	S.D. dependent var		0.405989
S.E. of regression	0.229900	Akaike info criterion		-0.057957
Sum squared resid	2.219866	Schwarz criterion		0.023143
Log likelihood	3.275046	Hannan-Quinn criter.		-0.027881
F-statistic	92.09698	Durbin-Watson stat		1.391980
Prob(F-statistic)	0.000000			

Nguồn tính toán của nhóm tác giả

Kết quả ước lượng

- Kết quả ước lượng cho hàm hồi qui có dạng:
- **$\text{Log gdp} = 1,1149980\text{log fdi} + 4,399502$ ($R^2 = 0.686794$)**
- *Như vậy, tồn tại mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa GDP và FDI. Cụ thể là khi FDI tăng 1% thì gdp tăng 1,1149980%. Sự thay đổi FDI giải thích được 69% sự thay đổi GDP.*



Kết quả ước lượng

Kiểm định tự tương quan bằng kiểm định White

Heteroskedasticity Test: White			
F-statistic	9.833324	Prob. F(2,41)	0.0003
Obs*R-squared	14.26373	Prob. Chi-Square(2)	0.0008
Scaled explained SS	20.36869	Prob. Chi-Square(2)	0.0000

F = 0,0003 cho thấy không có sự tương quan

Nguồn tính toán của nhóm tác giả

Kết quả ước lượng

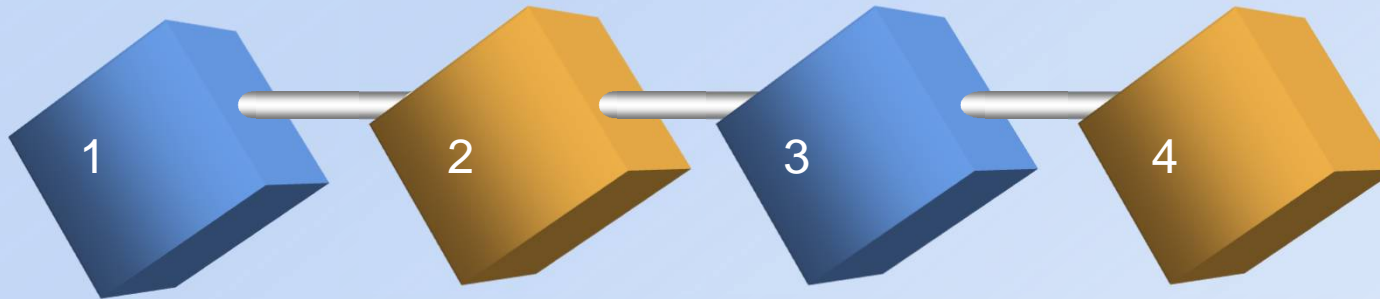
Kiểm định phương sai sai số thay đổi

F-statistic	2.594775	Prob.	0.0516	F-statistic	
		F(4,38)			
Obs*R-squared	9.439622	Prob. Chi-Square(4)	0.0510	Obs*R-squared	

Nguồn tính toán của nhóm tác giả

Như vậy, kết quả ước lượng và kiểm định cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê và có thể dùng để giải thích mối quan hệ giữa 2 biến số kinh tế vĩ mô là GDP và FDI.

KẾT LUẬN



Vai trò của tăng trưởng FDI và tăng trưởng kinh tế GDP giai đoạn 2010-2020

FDI tăng 1% thì gdp tăng 1,1149980%. Sự thay đổi FDI giải thích được 69% sự thay đổi GDP.

Các chính sách thu hút FDI

Hạn chế trong nghiên cứu

KẾT LUẬN

Nguồn lực

Tăng cường KHCN
& nhân lực

Chính sách

Môi trường đầu tư
và cạnh tranh của
Việt Nam

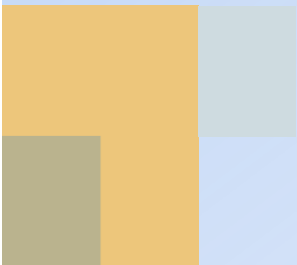
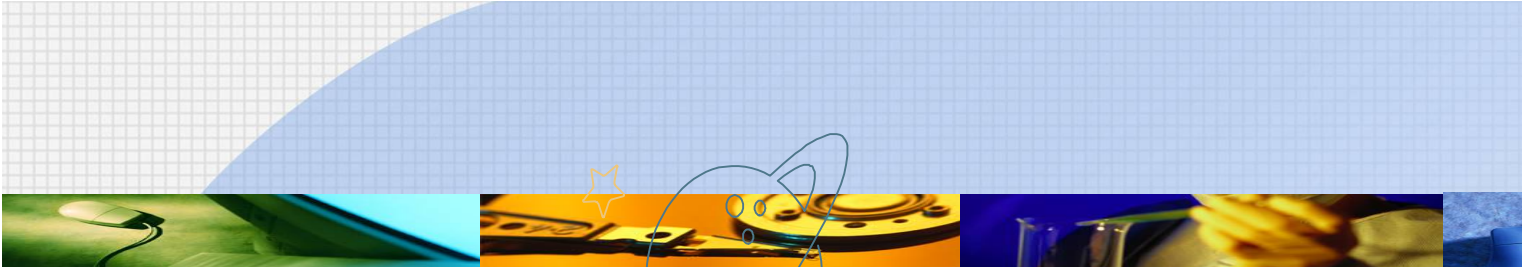
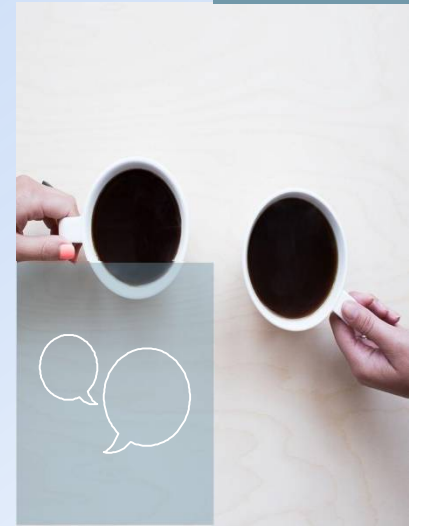
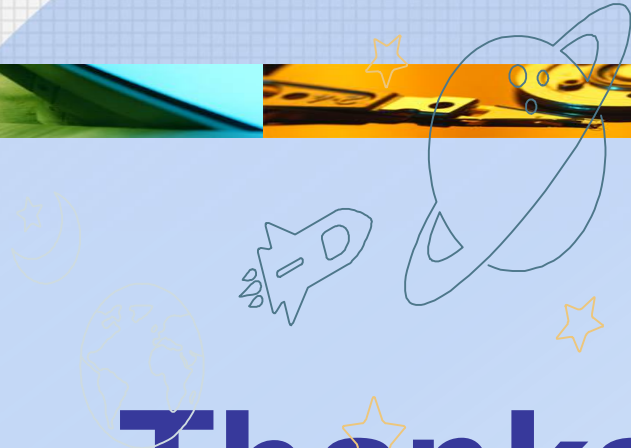
Thương mại

Việt Nam có lợi thế
nhờ ký kết các hiệp
định thương mại tự
do (FTA) với nhiều
đối tác.

Kinh tế vĩ mô

Môi trường kinh tế
vĩ mô ổn định.

**Thanks for
listening**



HỘI THẢO QUỐC TẾ

International conference

“FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI
tại Việt Nam trong bối cảnh mới”



AN ANALYSIS OF THE RELATIONSHIPS BETWEEN VIETNAM'S FOREIGN DIRECT INVESTMENT AND ECONOMIC GROWTH (2010 -2020)

1

(FDI) & (GDP) 2010-2020

2

Ordinary Least Squares (OLS)

3

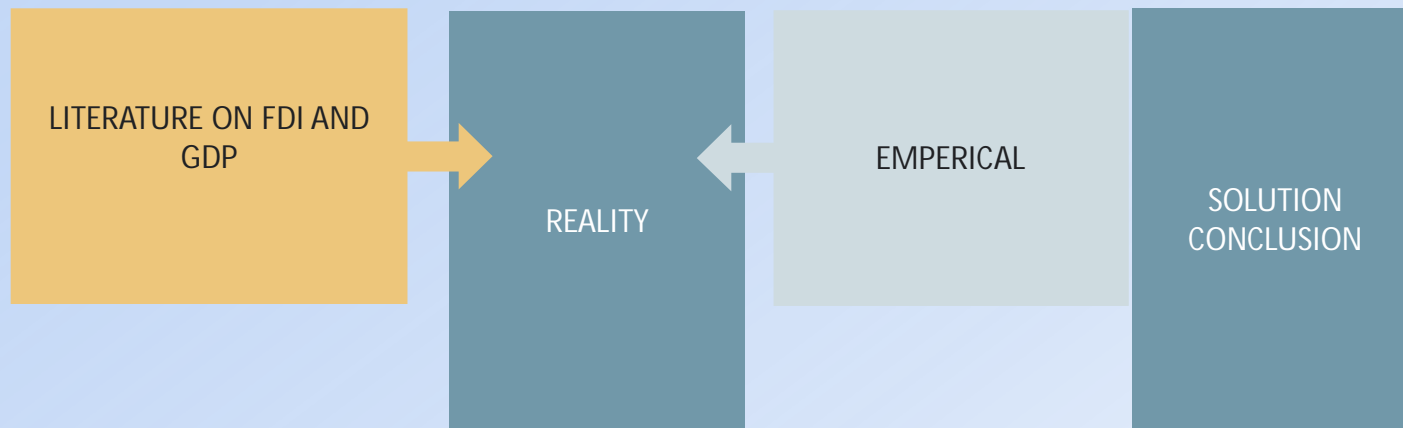
The role of FDI

4

Policies to attract FDI for national
development

AN ANALYSIS OF THE RELATIONSHIPS BETWEEN VIETNAM'S FOREIGN DIRECT INVESTMENT AND ECONOMIC GROWTH (2010 -2020)

CONTENT



Introduction

Literature review

The literature is extensive with studies at different stages

Methods

The studies use multiple methods to evaluate the impact of FDI on GDP such as VAR, OLS or ARDL

Scope

The impact of FDI on growth, investment, economic restructuring, human resource quality, exports, technology, and productivity.

Conclusion

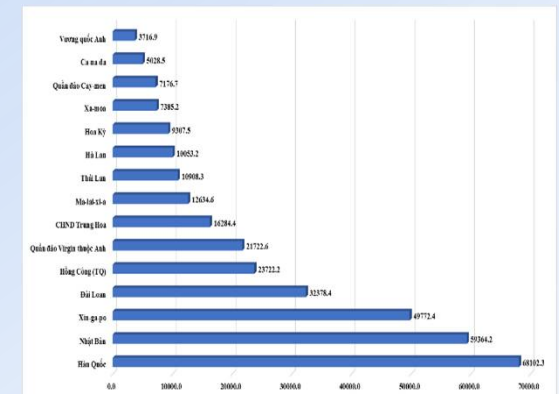
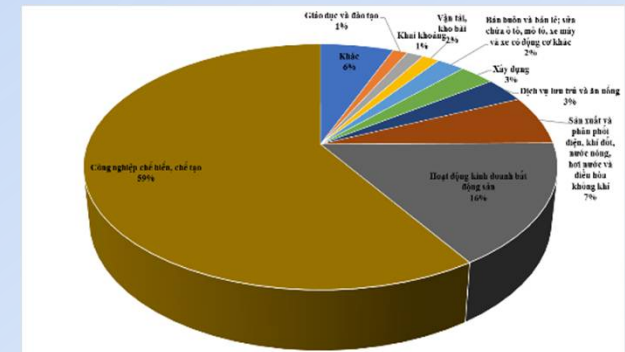
FDI plays a positive role in Vietnam's economy.

Statistics of Vietnam's FDI inflows (cumulative, M12/2020)

Structure of investment: 33,070 valid projects, total registered capital is 384 billion USD; accumulated implemented capital is estimated at 231.86 billion USD, equal to 60.4% of total valid registered investment capital.

Fields of investment: FDI enterprises have invested in 19/21 sectors in the national economic sub-sector system,

Localities of investment: FDI invest in 62 provinces and cities across the country.



(Source: gso)

OVERVIEW Vietnam's FDI inflows 2020

In 2020, the total newly registered capital, additional capital, contributed capital and the right to buy shares of foreign investors reached 28.53 billion USD, equivalent to 75% of 2019 level.

TỔNG QUAN FDI VÀO VIỆT NAM TRONG NĂM 2020

(Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 20/12/2020, so với cùng kỳ năm 2019)



**2.523 dự án mới
được cấp GCNĐT**

↓12,5%



**28,53 tỷ USD
vốn đầu tư đăng ký***

↓25,0%



**19,9 tỷ USD
vốn thực hiện**

↓2,0%

(*) Bao gồm vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài

FDI'S CHARACTERISTICS IN THE PERIOD OF 2010-2020

Annual growth rate of FDI capital is stable at 10.4%

Investment fields: Mechanical engineering, processing, manufacturing, real estate business...

The number of registered projects in agriculture, forestry and fishery sector is still small and accounts for a very low proportion of total registered capital.

The total newly registered capital, additional capital, contributed capital and the right to buy shares of foreign investors in Vietnam reached 28.53 billion USD

Origins of FDI into Vietnam has changed

More than 80% of FDI enterprises use the world's average technology, about 5-6% use high technology. The link between domestic enterprises and FDI enterprises is still weak



OPPORTUNITIES FOR FDI ATTRACTION

ThuThu@pharmem.vn

Content 01

In 2020, for the first time, Vietnam entered the top 20 countries of the world attractive to foreign direct investment (FDI).

Content 02

Vietnam has signed many new-generation free trade agreements such as the CPTPP, EVFTA

Content 03

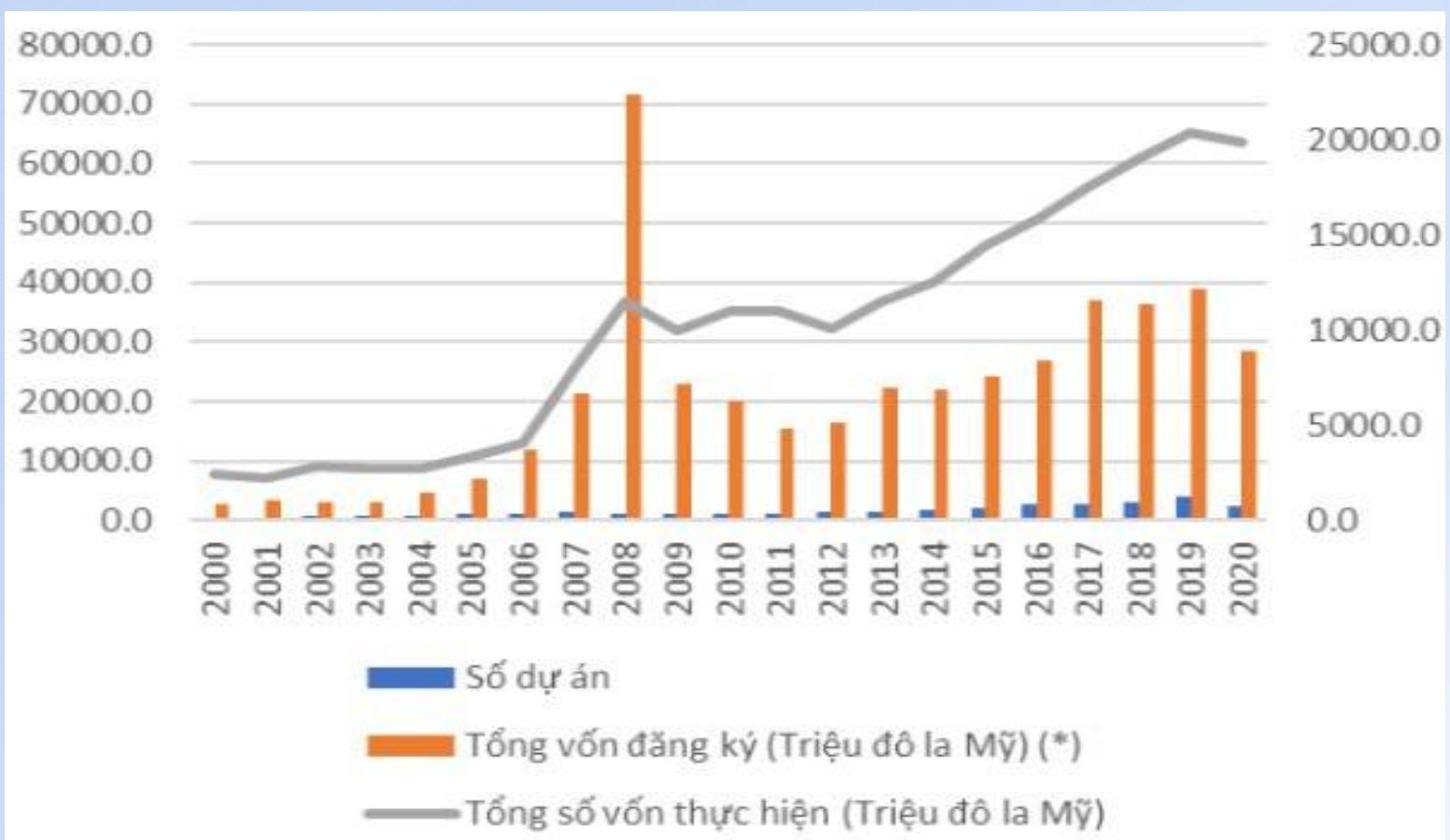
Investment in business environment, infrastructure, human resources...

GDP and FDI data for the period Q1/2010 - Q4/2020

	FDI implemented capital (Million USD)				GDP (Billion VND)			
	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4
2010	2,500	2,900	2,800	2,800	362,895	492,305	508,996	616,718
2011	2,370	2,930	2,340	2,800	441,707	628,223	640,284	824,794
2012	2,500	2,900	2,700	2,360	545,764	706,813	720,208	977,899
2013	2,700	3,000	2,900	2,880	683,668	830,435	906,778	1,163,380
2014	2,850	2,900	3,200	3,600	756,566	911,612	1,004,792	1,264,886
2015	3,050	3,240	3,350	4,950	808,883	970,287	1,072,220	1,341,472
2016	3,500	3,750	2,370	5,820	850,315	1,029,558	1,157,955	1,263,590
2017	3,620	3,100	4,780	5,000	931,607	1,127,215	1,272,433	1,676,602
2018	3,880	4,490	4,880	5,730	1,027,928	1,414,236	1,242,220	1,851,928
2019	4,120	4,880	5,120	6,180	1,116,680	1,366,899	1,539,114	2,010,887
2020	3,850	4,800	5,110	6,220	1,188,207	1,382,995	1,593,586	2,124,154

Source: 2020 Report of Foreign Investment Department)

Statistics of Vietnam's FDI inflows over years



(Source: gso)

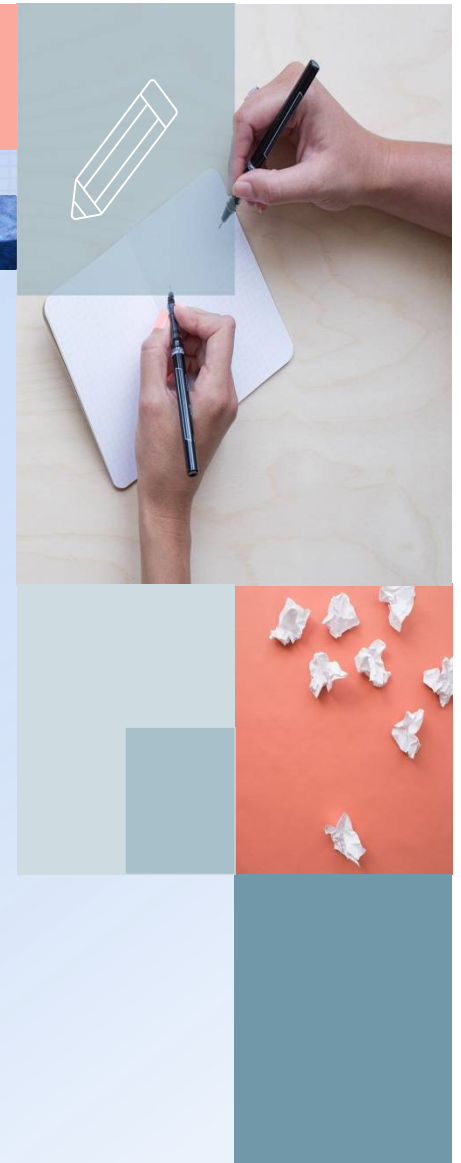
Estimated results

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	4.399502	0.979171	4.493088	0.0001
LOG(FDI)	1.149980	0.119831	9.596717	0.0000
R-squared	0.686794	Mean dependent var		13.79044
Adjusted R-squared	0.679337	S.D. dependent var		0.405989
S.E. of regression	0.229900	Akaike info criterion		-0.057957
Sum squared resid	2.219866	Schwarz criterion		0.023143
Log likelihood	3.275046	Hannan-Quinn criter.		-0.027881
F-statistic	92.09698	Durbin-Watson stat		1.391980
Prob(F-statistic)	0.000000			

(Nguồn tính toán của nhóm tác giả)

Estimated results

- Estimated results
- **$\text{Log gdp} = 1,1149980\text{log fdi} + 4,399502$ (R2 = 0.686794)**
- *Thus, there exists a positive relationship between GDP and FDI. Specifically, when FDI increases by 1%, GDP increases by 1.1149980%. The change in FDI explains 69% of the change in GDP.*



Estimated results

Autocorrelation Test

Heteroskedasticity Test: White			
F-statistic	9.833324	Prob. F(2,41)	0.0003
Obs*R-squared	14.26373	Prob. Chi-Square(2)	0.0008
Scaled explained SS	20.36869	Prob. Chi-Square(2)	0.0000

F = 0.0003 shows no correlation

(Nguồn tính toán của nhóm tác giả)

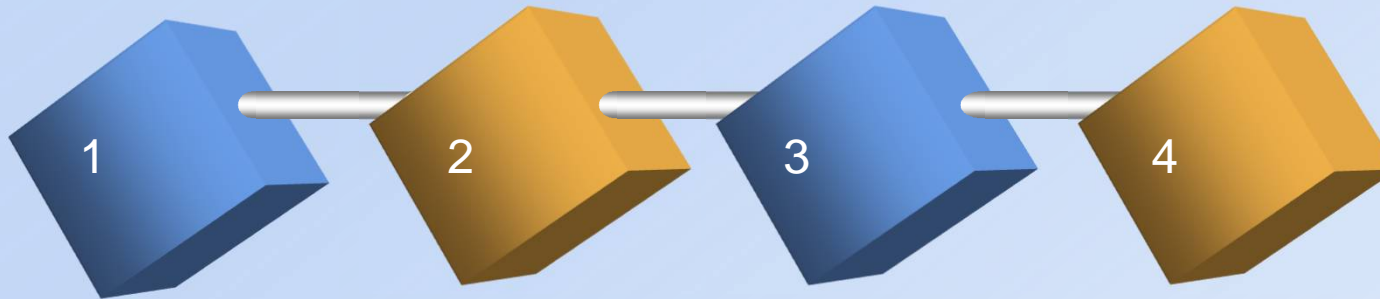
Estimated results

Heteroskedasticity test

F-statistic	2.594775	Prob. F(4,38)	0.0516	F-statistic	
Obs*R-squared	9.439622	Prob. Chi-Square(4)	0.0510	Obs*R-squared	

(Nguồn tính toán của nhóm tác giả)

CONCLUSION



The association between FDI growth and GDP growth in the period 2010-2020

If FDI increases by 1%, GDP will increase by 1.1149980%. The change in FDI explains 69% of the change in GDP.

Policies to attract FDI

Limitations in the study

CONCLUSION

Macroeconomic

The macroeconomic environment is stable

Commeres

Vietnam has the advantage of signing free trade agreements (FTAs) with many partners

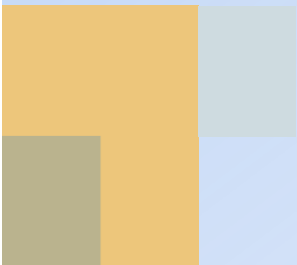
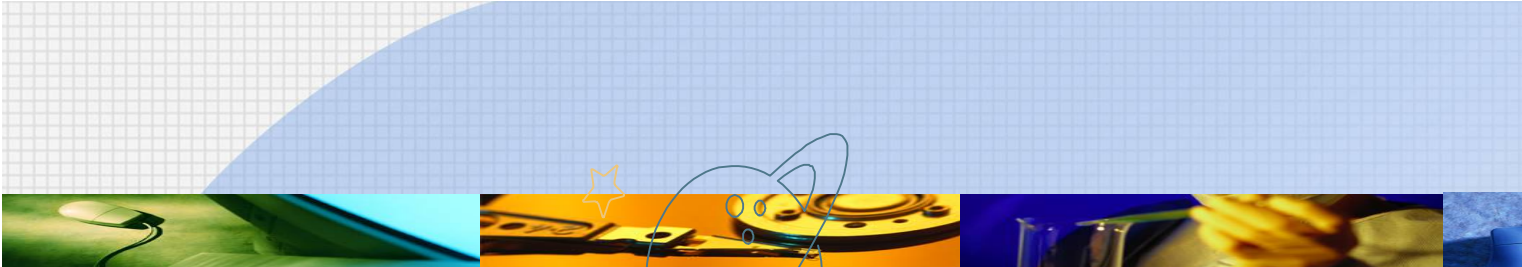
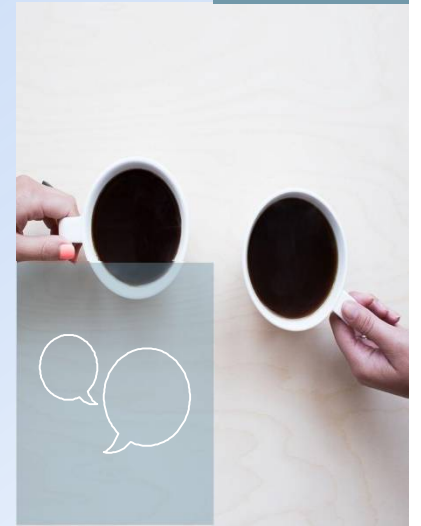
Policies

Vietnam's investment and competitive environment

Upgrades

Science, technology & human resources

**Thanks for
listening**





TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
THUONGMAI UNIVERSITY

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

**FDI TOÀN CẦU VÀ ỨNG BIẾN CỦA DOANH NGHIỆP FDI TẠI VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH MỚI**

**GIẢI PHÁP CHO DOANH NGHIỆP FDI TRONG THỰC HIỆN
TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG KHI
VIỆT NAM THAM GIA CÁC FTA THỂ HỆ MỚI**

Tác giả: PGS,TS. Nguyễn Thị Bích Loan

PGS,TS. Nguyễn Thị Minh Nhàn



KẾT CẤU BÀI TRÌNH BÀY

1. Đặt vấn đề

2. Cơ sở lý thuyết

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

4. Kết quả nghiên cứu

5. Kết luận và khuyến nghị



1. ĐẶT VẤN ĐỀ

- Thực hiện TNXH tại DN đã trở thành mắt xích trọng yếu của để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững nền kinh tế đất nước.
- Lao động trong nhiều DN có vốn đầu tư nước ngoài mặc dù được quan tâm hơn thời gian qua, nhưng thực tế vẫn còn không ít dự án FDI tồn tại tình trạng nợ đọng bảo hiểm xã hội, tranh chấp lao động, đình công đòi quyền lợi..., đặc biệt, tình trạng lao động trong khu vực DN FDI bị thất nghiệp sau tuổi 35 đang trở thành xu hướng gia tăng đáng báo động về thực hiện TNXH của DN FDI đối với NLĐ.
- Các FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia chứa đựng các cam kết ở mức độ cao về lao động (gồm cơ chế thực thi, ràng buộc). Sự xuất hiện nhiều DN FDI quy mô nhỏ, chủ yếu tập trung ở những ngành thâm dụng lao động, tận dụng lao động nhập cư nội địa có tay nghề thấp, chưa qua đào tạo, giá rẻ... (VCCI, 2020) sẽ là thách thức lớn đối với thực hiện TNXH đối với NLĐ theo cam kết của FTAs.



2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Một số khái niệm cơ bản

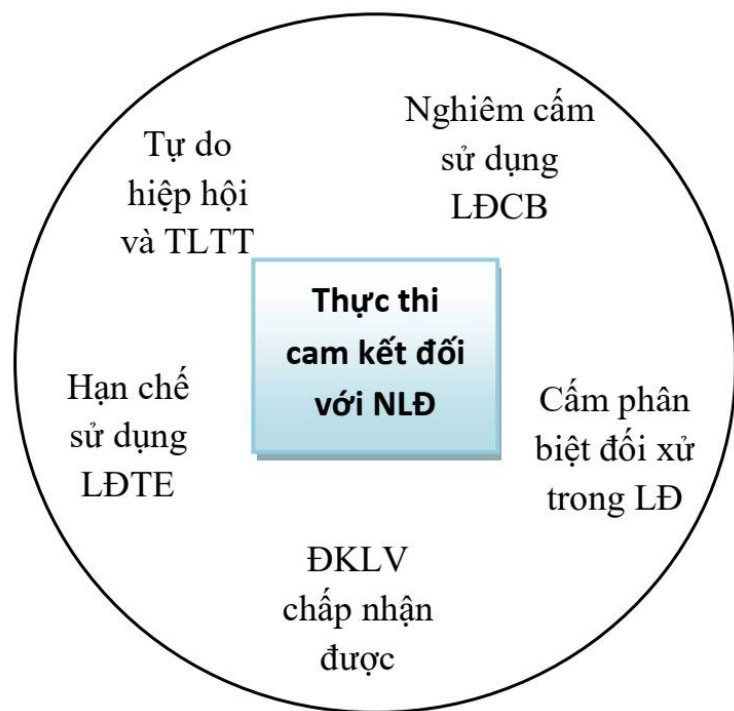
Doanh
nghiệp FDI

Thực hiện
trách nhiệm
xã hội đối
với người
lao động

Hiệp định
thương mại
tự do thế hệ
mới



2.2. Khung nghiên cứu



Hình 1: Khung nghiên cứu thực hiện TNXH đối với NLD theo cam kết FTA thế hệ mới

Nghiên cứu xác định: *Thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người lao động trong bối cảnh tham gia FTA thế hệ mới là quá trình doanh nghiệp FDI đảm bảo thực thi các cam kết đối với người lao động về nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc cũng như các điều kiện làm việc có thể chấp nhận được góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.*



3. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

- *Dữ liệu thứ cấp* được thu thập tổng hợp từ các công bố của: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (MOLISA); Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) trên ấn phẩm của chương trình Better Work Việt Nam - Báo cáo tổng hợp về tuân thủ lần thứ 10 xuất bản năm 2019; Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam (VGCL); Bộ tài chính (MOF); Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); Tổng cục Thống kê (GSO) và ý kiến của của các chuyên gia trong các diễn đàn, hội thảo. Nghiên cứu của Reynolds và cộng sự (2003);
- *Dữ liệu sơ cấp* thực hiện từ phương pháp khảo sát bằng bản hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu các bên liên quan ở các DN FDI.



3. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.2. Phương pháp nghiên cứu

**Phương
pháp điều
tra bằng
bản hỏi**

**Phương
pháp phỏng
vấn sâu**

**Phương
pháp thống
kê mô tả**



3.2. Phương pháp nghiên cứu

➤ Phương pháp điều tra bằng bản hỏi

- Sử dụng cách tính của Bollen (1998) và Hair cùng cộng sự (1998) kích thước mẫu dự kiến lớn hơn 100 và nhỏ nhất có tỷ lệ mong muốn $n = 5 * k$ (k là số chỉ báo trong nghiên cứu). Trong nghiên cứu này có 37 chỉ báo, do đó mẫu tối thiểu là $35 * 5 = 175$. Nghiên cứu thực hiện khảo sát tại 30 DN FDI ở các lĩnh vực trên địa bàn Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nam, Bắc Giang, Hải Dương.
- Đối tượng khảo sát là NLĐ, cán bộ CĐCS, NSDLĐ (theo tỷ lệ 8 - 10 phiếu điều tra/01 DN FDI). Số phiếu thu về 193 phiếu, đảm bảo ý nghĩa thống kê.



3.2. Phương pháp nghiên cứu

➤ Phương pháp phỏng vấn sâu

Được thực hiện đối với NLĐ, cán bộ công đoàn ở các DN FDI thực hiện khảo sát để bổ sung mô tả chi tiết hiện trạng thực hiện TNXH đối với NLĐ ở các DN này.

➤ Phương pháp thống kê mô tả

Phiếu khảo sát gồm các câu hỏi được thiết kế dưới dạng câu trần thuật, được đo bằng thang đo Likert 5 bậc (1 là hoàn toàn không đồng ý đến 5 là hoàn toàn đồng ý) với những thông số Mean – trung bình cộng. Với thang đo Likert 5 bậc, giá trị khoảng cách = $(\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (5-1)/5 = 0,8$.

Ý nghĩa các mức như sau: 1,00 – 1,80: Rất không đồng ý; 1,81 – 2,60: Không đồng ý; 2,61 – 3,40: Không ý kiến; 3,41 – 4,20: Đồng ý; 4,21 – 5,00: Rất đồng ý.



4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Giới thiệu khái quát về doanh nghiệp FDI Việt Nam

**Số lượng
DN FDI**

**Lĩnh vực
hoạt động**

**Kết quả
hoạt động
kinh
doanh**

Lao động



4.1. Giới thiệu khái quát về doanh nghiệp FDI Việt Nam

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh của DN FDI Việt Nam

Đơn vị tính: %

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm				
		2015	2016	2017	2018	2019
1	Tỉ lệ DN báo lỗ	51,0	50,0	52,0	43,0	55,0
2	Tỉ lệ DN lỗ lũy kế	59,0	61,0	63,0	52,0	66,0
3	Tỉ lệ DN lỗ mất vốn	17,0	16,0	16,0	12,6	15,7
4	ROE trước thuế	13,8	15,8	15,9	13,4	12,5
5	ROA sau thuế	4,8	6,1	6,1	4,5	4,2

Nguồn: MOF, 2020



4.2. Thực trạng thực hiện TNXH đối với NLD tại doanh nghiệp FDI Việt Nam

4.2.1. Về thực hiện trách nhiệm xã hội đối với quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể

Bảng 2: Ý kiến đánh giá mức độ thực hiện "Tự do hiệp hội và thương lượng tập thể" trong DN FDI Việt Nam

STT	Chỉ báo chi tiết	ĐBQ	Độ lệch chuẩn
1	Đảm bảo tạo điều kiện thành lập CĐCS	3,23	0,859
2	Đảm bảo tạo điều kiện NLD tham gia CĐ theo nguyện vọng	3,12	0,945
3	Đảm bảo đối thoại định kỳ	3,35	0,698
4	Đảm bảo đối thoại khi một bên có nhu cầu	3,07	0,777
5	Đảm bảo nội dung đối thoại theo quy định PLLĐ	3,46	0,652
6	Ký và tuân thủ TULĐTT có nhiều nội dung cao hơn PLLĐ	2,81	1,146
7	Sẵn sàng đối thoại sửa chỉnh nội dung TULĐTT	2,85	1,026

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu (2020)



4.2.2. Về thực hiện trách nhiệm xã hội đối với quyền nghiêm cấm sử dụng lao động cưỡng bức

Bảng 3: Ý kiến đánh giá mức độ thực hiện "Nghiêm cấm sử dụng lao động cưỡng bức" trong DN FDI Việt Nam

TT	Chỉ báo chi tiết	ĐBQ	Độ lệch chuẩn
1	Đảm bảo không sử dụng bạo lực để cưỡng chế NLĐ ở lại làm việc	3,22	0,651
2	Đảm bảo không sử dụng hăm dọa để cưỡng chế NLĐ ở lại làm việc	3,17	0,983
3	Đảm bảo không sử dụng các hình thức kỷ luật để cưỡng chế NLĐ ở lại làm việc	3,03	0,817
4	Đảm bảo không giữ lương để cưỡng chế NLĐ ở lại làm việc	2,89	1,081
5	Đảm bảo không giữ giấy tờ cá nhân cưỡng chế NLĐ ở lại làm việc	2,76	1,158
6	Đảm bảo không sử dụng biện pháp ép buộc NLĐ làm thêm giờ	2,84	1,326

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu (2020)



4.2.3. Về thực hiện trách nhiệm xã hội đối với quyền nghiêm cấm sử dụng lao động trẻ em

Bảng 4: Ý kiến đánh giá mức độ thực hiện "Nghiêm cấm và hạn chế sử dụng lao động trẻ em" trong DN FDI Việt Nam

STT	Chỉ báo chi tiết	ĐBQ	Độ lệch chuẩn
1	Đảm bảo không sử dụng LĐ dưới 15 tuổi	4,36	0,354
2	Đảm bảo không sử dụng LĐ dưới 18 tuổi làm thêm giờ, quá số giờ quy định	4,21	0,861
3	Đảm bảo không sử dụng LĐ dưới 18 tuổi thực hiện các công việc độc hại	4,19	0,610
4	Đảm bảo không sử dụng LĐ dưới 18 tuổi làm việc trong điều kiện tồi tệ	4,29	0,515
5	Đảm bảo xác minh độ tuổi NLD trước khi tuyển dụng	2,64	1,127
6	Đảm bảo lưu hồ sơ NLD dưới 18 tuổi	3,06	0,905

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu (2020)



4.2.4. Về thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cảm phân biệt đối xử trong lao động

Bảng 5: Ý kiến đánh giá mức độ thực hiện "Cảm phân biệt đối xử khi sử dụng lao động" trong DN FDI Việt Nam

STT	Chỉ báo chi tiết	ĐBQ	Độ lệch chuẩn
1	Đảm bảo không phân biệt giới, độ tuổi trong tuyển dụng, làm việc, chi trả	2,78	1,204
2	Đảm bảo không phân biệt tình trạng hôn nhân trong tuyển dụng, làm việc, chi trả	3,12	0,822
3	Đảm bảo không phân biệt chủng tộc, nguồn gốc tôn giáo, chính trị trong tuyển dụng, làm việc, chi trả	4,21	0,410
4	Đảm bảo không phân biệt khuyết tật, HIV/AIDS trong tuyển dụng, làm việc, chi trả	3,18	0,921
5	Đảm bảo không sa thải NLD vì lý do mang thai, nghỉ sinh con, nuôi con nhỏ dưới 12 tháng	3,45	1,029
6	Đảm bảo không thay đổi vị trí công việc, mức lương, thưởng hoặc thâm niên khi nghỉ thai sản	3,41	0,889

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu (2020)



4.2.5. Về thực hiện trách nhiệm xã hội đối với đảm bảo điều kiện làm việc chấp nhận được

Bảng 6: Ý kiến đánh giá mức độ thực hiện "Điều kiện làm việc chấp nhận được" trong DN FDI Việt Nam

STT	Chỉ báo chi tiết	ĐBQ	Độ lệch chuẩn
1	Đảm bảo đúng quy định về tiền lương tối thiểu	4,24	0,612
2	Đảm bảo đúng quy định về tiền lương làm thêm giờ	3,12	0,845
3	Đảm bảo đúng quy định về đóng BHXH, BHYT, BHTN	3,25	1,001
4	Đảm bảo thời gian làm thêm đúng PLLĐ	2,31	0,908
5	Đảm bảo thời gian nghỉ ngơi (trong giờ, ca, nghỉ tuần; năm, lễ tết, thai sản...) đúng quy định PLLĐ	2,75	1,012
6	Đảm bảo tập huấn ATVSLĐ tại nơi làm việc	3,07	1,010
7	Đảm bảo trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc	3,01	0,915
8	Đảm bảo cung cấp thiết bị ATVSLĐ tại nơi làm việc	3,12	0,897
9	Đảm bảo máy, thiết bị, vật tư, hóa chất được vận hành, bảo quản đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật về ATVSLĐ	3,15	0,789
10	Đảm bảo theo dõi và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho NLĐ	3,17	1,006

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu (2020)



5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

5.1. Kết luận chung

❖ Thành công

Nhiều DN FDI đã quan tâm và chú trọng đến thực hiện TNXH đối với NLD bởi đó là điều kiện đảm bảo sản phẩm của họ có thể xuất khẩu tới các thị trường nước ngoài theo cam kết của các nhãn hàng; TNXH đối với NLD đã được các DN FDI đã được thực hiện với hình thức đa dạng; Thực hiện TNXH đối với NLD tại DN FDI đã được ghi nhận và vinh danh.

Các DN FDI thực hiện tốt một số các chỉ báo chủ yếu gắn với đảm bảo hạn chế sử dụng lao động trẻ em và 02 chỉ báo là: Đảm bảo không phân biệt chủng tộc, nguồn gốc tôn giáo, chính trị trong tuyển dụng, làm việc, chi trả; Đảm bảo đúng quy định về tiền lương tối thiểu cũng được đánh giá cao.



5.1. Kết luận chung

❖ *Hạn chế*

- Vẫn còn không ít DN FDI chưa thực sự quan tâm đến thực hiện TNXH đối với NLĐ, chỉ thực hiện một cách hình thức, đối phó với các bên liên quan hoặc thực hiện ở mức "vừa đủ" theo quy định của PLLĐ;
- Phần lớn DN FDI thực hiện TNXH đảm bảo quyền cơ bản tại nơi làm việc và điều kiện làm việc có thể chấp nhận được ở mức trung bình, thậm chí có một số chỉ báo được đánh giá ở mức thấp như: Ký và tuân thủ TULĐTT có nhiều nội dung cao hơn PLLĐ; Sẵn sàng đối thoại sửa chỉnh nội dung TULĐTT; Đảm bảo không giữ lương để cưỡng chế NLĐ ở lại làm việc; Đảm bảo không giữ giấy tờ cá nhân cưỡng chế NLĐ ở lại làm việc; Đảm bảo không sử dụng biện pháp ép buộc NLĐ làm thêm giờ; Đảm bảo xác minh độ tuổi NLĐ trước khi tuyển dụng; Đảm bảo không phân biệt giới, độ tuổi trong tuyển dụng, làm việc, chi trả; Đảm bảo thời gian làm thêm đúng PLLĐ; Đảm bảo thời gian nghỉ ngơi đúng quy định PLLĐ.



5.1. Kết luận chung

❖ Nguyên nhân

➤ Từ phía DN FDI:

- (i) Nhận thức, hiểu biết của các chủ thể (NLĐ, NSDLĐ, cán bộ CĐCS) về thực hiện TNXH đối với NLĐ theo tiêu chuẩn FTA thế hệ mới về quyền cơ bản tại nơi làm việc và điều kiện làm việc có thể chấp nhận được còn hạn chế;
- (ii) Chưa có mục tiêu chiến lược trong thực hiện TNXH đối với NLĐ;
- (iii) Chưa chú trọng phát triển văn hóa thực hiện TNXH đối với NLĐ;...

➤ Từ phía Nhà nước

- (i) Pháp luật về quyền cơ bản tại nơi làm việc và điều kiện làm việc có thể chấp nhận được (lương tối thiểu, giờ làm việc và an toàn, sức khỏe nghề nghiệp) của Việt Nam vẫn chưa hoàn toàn tương thích với cam kết trong FTA thế hệ mới;
- (ii) Quá trình triển khai và giám thực hiện PLLĐ ở tất cả các cấp vẫn còn những lỗ hổng.



5.2. Xu hướng phát triển doanh nghiệp FDI Việt Nam

Quy mô vốn đầu tư trung bình của DN FDI đang có xu hướng thu nhỏ dần

Diễn ra sự dịch chuyển khỏi ngành may mặc sang các ngành có hàm lượng công nghệ cao hơn như sản xuất máy tính, thiết bị điện tử.

Quy mô lao động cũng có dấu hiệu diễn ra sự đảo ngược, giảm xuống



5.3. Khuyến nghị


5.3.1. Giải pháp cho doanh nghiệp FDI trong thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người lao động khi tham gia FTA thế hệ mới ở Việt Nam

- (i)
 - Nâng cao năng lực người sử dụng lao động, người lao động trong DN FDI
- (ii)
 - Chú trọng xác lập mục tiêu thực hiện trách nhiệm xã hội đối với NLĐ trong chiến lược doanh nghiệp FDI
- (iii)
 - Phát triển văn hóa doanh nghiệp hàm chứa giá trị thực hiện trách nhiệm xã hội đối với NLĐ trong DN FDI



5.3.1. Giải pháp cho doanh nghiệp FDI trong thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người lao động khi tham gia FTA thế hệ mới ở Việt Nam

Bảng 6: Biểu hiện của mối quan hệ thực hiện TNXH đối với NLĐ và văn hóa DN

Biểu hiện của Văn hóa DN		Biểu hiện của TNXH đối với NLĐ
Là một nguồn tự hào của NLĐ (thông qua những lời ghi nhận hay ăn mừng thành công của DN)	Tạo uy tín, địa vị công ty	<ul style="list-style-type: none">- Thực hành TNXH cao hơn chuẩn mực của ngành, phân biệt với DN khác.- Tìm kiếm sự công nhận và các giải thưởng từ các tổ chức uy tín.
Là sự quan tâm đến nhân viên của họ	Quan tâm đến chính sách phát triển bền vững là quan tâm đến hạnh phúc của XH và đối xử tốt với NLĐ của mình	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện các chương trình để NLĐ trải nghiệm, nỗ lực.- Truyền thông đến NLĐ tương lai về việc thực hành TNXH của DN gắn với thực hành về nhân sự
Gắn kết các giá trị của tổ chức với các giá trị cá nhân	Con người luôn tìm kiếm một tổ chức có giá trị phù hợp với mình. Một người cảm thấy phù hợp với tổ chức là động lực chính để họ lựa chọn công việc	<ul style="list-style-type: none">- Miêu tả một cách rõ ràng các giá trị theo đuổi; Nhấn mạnh cam kết của lãnh đạo và đưa các giá trị vào văn hóa DN và lãnh đạo là hình mẫu của các giá trị đó;- Việc phát triển có trách nhiệm được lồng ghép vào các công việc hàng ngày, chương trình đào tạo; hệ thống thưởng phạt, mục tiêu hoạt động .



5.3.2. Kiến nghị với Nhà nước nhằm cải thiện môi trường vĩ mô để các DN FDI thực hiện tốt TNXH đối với người lao động

Hoàn chỉnh khung pháp lý Việt Nam phù hợp cam kết FTA thế hệ mới và định hướng tăng cường khả năng nhận diện, thúc đẩy tuân thủ cam kết lao động

Phân tích, nắm bắt và chuẩn bị đầy đủ những điều kiện cần thiết, tiến tới ký kết các công ước cơ bản về lao động

Tiếp tục nghiên cứu để tích hợp vào luật pháp quốc gia những tiêu chuẩn lao động phù hợp

Tổ chức triển khai và tăng cường thiết chế thanh tra lao động

Thiết lập cơ chế phối hợp giữa thanh tra lao động và tổ chức CĐCS hay tổ chức đại diện NLD tại cơ sở

Tăng nặng chế tài xử lý những hành vi vi phạm PLLĐ



XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!



TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
THUONGMAI UNIVERSITY

INTERNATIONAL CONFERENCE

**GLOBAL FDI AND RESPONSES OF FDI ENTERPRISES IN VIETNAM
IN THE NEW CONTEXT**

**SOLUTIONS FOR FDI ENTERPRISES IN IMPLEMENTING
SOCIAL RESPONSIBILITIES FOR EMPLOYEES WHEN
VIETNAM JOINS NEW-GENERATION FTAs**

**Authors: A/Prof. Dr. Nguyễn Thị Bích Loan
A/Prof. Dr. Nguyễn Thị Minh Nhàn**



OUTLINE

1. Problem statement

2. Theoretical background

3. Data and methodology

4. Research findings

5. Conclusion and Recommendations



1. PROBLEM STATEMENT

- Corporate social responsibility has become an inevitable part in realizing goals of sustainable development in the economy in Vietnam.
- Employees in many foreign-invested companies have received more attention over the past few years, but there still exist some problems including late payment for social insurance, labour disputes, and strikes, etc. The unemployment among laborers over 35 in foreign-invested companies has sounded alarm on the corporate social responsibility to employees.
- New-generation FTAs in which Vietnam is a signatory have high commitments on labor (including implementation mechanism and regulations). With many small FDI companies in labor-intensive industries using cheap and low-skilled labor (VCCI, 2020), it will be a huge challenge to the implementation of corporate social responsibility to employees under FTAs commitments



2. THEORETICAL BACKGROUND

2.1. Basic concepts

FDI
enterprises

Corporate
social
responsibility
to employees

New-
generation
free trade
agreement



2.2. Research framework

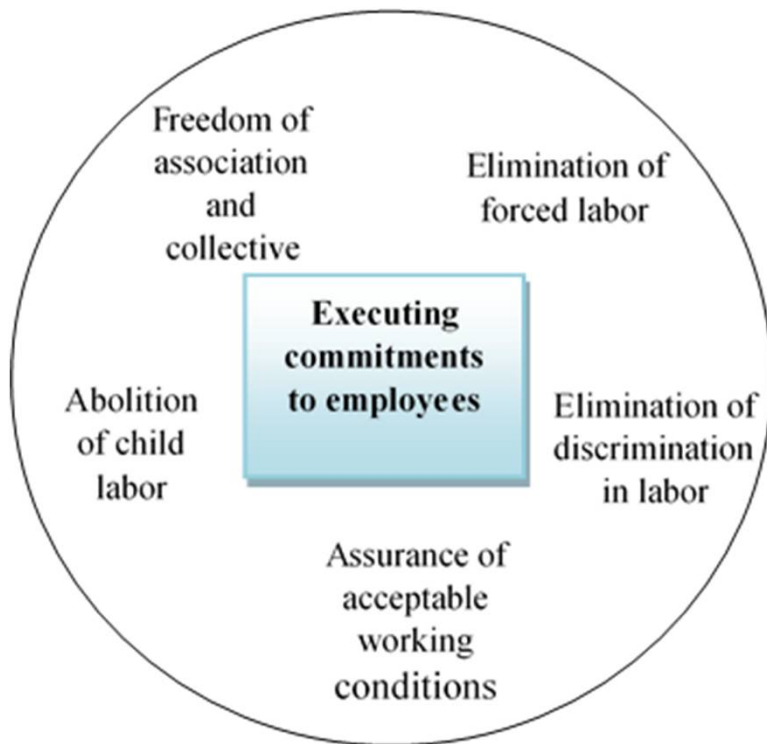


Figure 1: Research framework on corporate social responsibility to employees under new-generation FTA commitments

The research states *Corporate social responsibility to employees in the context of joining new-generation FTAs is the process in which FDI companies assure the implementation of commitments with employees on basic principles and rights at workplace as well as acceptable working conditions towards the target of sustainable development.*



3. DATA AND METHODOLOGY

3.1. Research data

- *Secondary data* is collected from reports of Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs (MOLISA); International Labor Organization (ILO) and International Finance Corporation (IFC) on Better Work Vietnam Annual Report 2019: An Industry And Compliance Review; Vietnam General Confederation of Labor (VGCL); Ministry of Finance (MOF); Viet Nam Chamber for Commerce and Industry (VCCI); General Statistics Office (GSO) and ideas of experts in forums and conferences; the study of Reynolds et. al (2003);
- *Primary data* is collected from a questionnaire and in-depth interviews with stakeholders in FDI enterprises.



3. DATA AND METHODOLOGY

3.2. Research methodology

Questionnaire

**In-depth
interviews**

**Descriptive
statistics**



3.2. Research methodology

➤ Survey questionnaire

- Using calculations of Bollen (1998) and Hair et. al (1998) the estimated sample size > 100 with $n = 5 * k$ (k: indicator in the research). There are 37 indicators in the research, so the minimum sample is $35 * 5 = 175$. The survey was conducted in 30 FDI companies in different sectors in Hanoi, Bac Ninh, Hai Phong, Ha Nam, Bac Giang and Hai Duong provinces.
- The respondents are employees, union officers, and employers (with 8-10 questionnaires per company). The statistic significant number of questionnaires is 193.



3.2. Research methodology

➤ In-depth interviews

Conducted with employees, and union officers in FDI companies to provide detailed information on the situation of corporate social responsibility to employees in those companies.

➤ Descriptive statistics

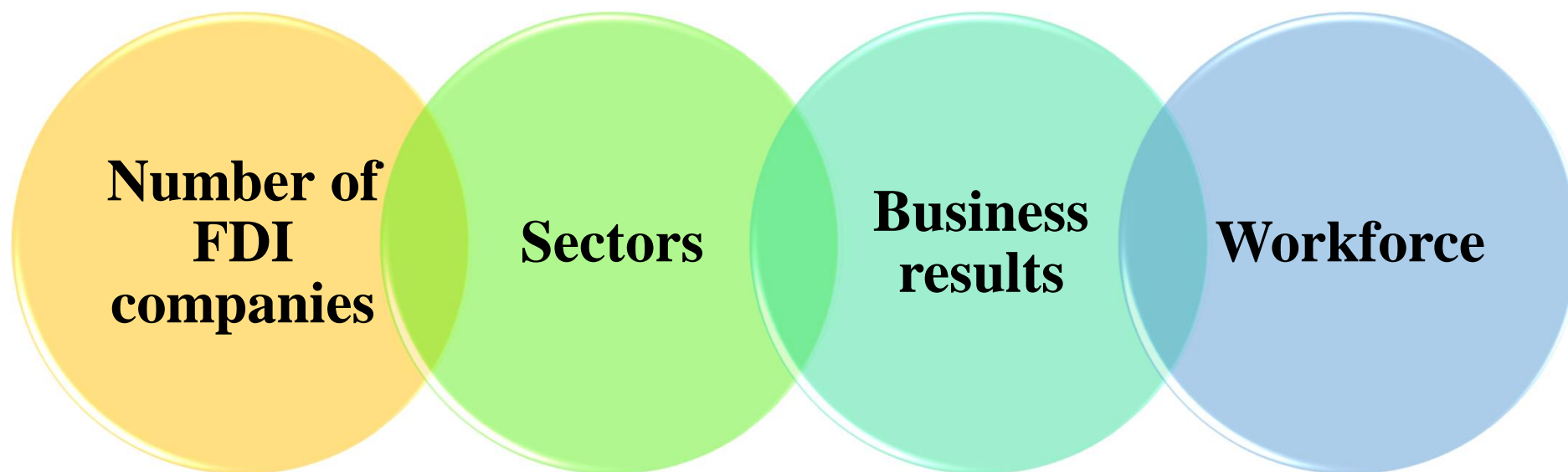
Questionnaire consists of statements using 5-point Likert scale (1: Totally disagree to 5: Totally agree) with Mean and Range = (Maximum – Minimum)/n = (5-1)/5 = 0.8.

Ranges: 1.00 – 1.80: Totally disagree; 1.81 – 2.60: Disagree; 2.61 – 3.40: No comment; 3.41 – 4.20: Agree; 4.21 – 5.00: Totally agree.



4. RESEARCH FINDINGS

4.1. Overview on FDI companies in Viet Nam





4.1. Overview on FDI companies in Viet Nam

Table 1: Business performance of Vietnamese FDI enterprises

Unit: %

No	Financial indicators	Year				
		2015	2016	2017	2018	2019
1	Percentage of businesses reporting losses	51,0	50,0	52,0	43,0	55,0
2	Accumulated loss ratio of enterprises	59,0	61,0	63,0	52,0	66,0
3	Rate of loss and loss of capital	17,0	16,0	16,0	12,6	15,7
4	ROE before tax	13,8	15,8	15,9	13,4	12,5
5	ROA after tax	4,8	6,1	6,1	4,5	4,2

Source: MOF, 2020



4.2. Corporate social responsibility to employees in FDI companies in Viet Nam

4.2.1. Corporate social responsibility to freedom of association and collective bargaining

Table 2: Opinions on the level of implementation of "Freedom of association and collective bargaining" in FDI enterprises in Vietnam

No	Detailed Indicators	Average Score	Standard Deviation
1	Ensure favorable conditions for the establishment of trade unions	3,23	0,859
2	Ensure to create favorable conditions for employees to participate in trade unions according to their wishes	3,12	0,945
3	Ensure regular dialogue	3,35	0,698
4	Ensure dialogue when one party needs	3,07	0,777
5	Ensure the content of the dialogue according to the provisions of the Labor Code	3,46	0,652
6	Signing and complying with collective agreements has more content than the Labor Code	2,81	1,146
7	Ready for dialogue to amend the content of the collective labor agreement	2,85	1,026

Source: Research findings (2020)



4.2.2. Corporate social responsibility to elimination of forced labor

Table 3: Opinions on the level of implementation of “Elimination of forced labor” in FDI enterprises in Vietnam

No	Detailed Indicators	Average Score	Standard Deviation
1	Ensure not to use violence to force employees to stay at work	3,22	0,651
2	Ensure not to use intimidation to force employees to stay at work	3,17	0,983
3	Ensure not to use disciplinary measures to force employees to stay at work	3,03	0,817
4	Ensure not to withhold wages to force employees to stay at work	2,89	1,081
5	Ensure not to keep personal papers to force employees to stay at work	2,76	1,158
6	Ensure not to use measures to force employees to work overtime	2,84	1,326

Source: Research findings (2020)



4.2.3. Corporate social responsibility to abolition of child labor

Table 4: Opinions on the level of implementation of “Abolition of child labor” in FDI enterprises in Vietnam

No	Detailed Indicators	Average Score	Standard Deviation
1	Ensure not to use use workers under 15 years old	4,36	0,354
2	Ensure not to use employees under the age of 18 to work overtime, exceeding the prescribed number of hours	4,21	0,861
3	Ensure that workers under the age of 18 are not employed to perform hazardous work	4,19	0,610
4	Ensure not to use workers under the age of 18 to work in bad conditions	4,29	0,515
5	Ensure age verification before hiring employees	2,64	1,127
6	Ensure to keep records of employees under 18 years old	3,06	0,905

Source: Research findings (2020)



4.2.4. *Corporate social responsibility to elimination of discrimination in labor*

Table 5: Opinions on the level of implementation of “Elimination of discrimination in labor” in FDI enterprises in Vietnam

No	Detailed Indicators	Average Score	Standard Deviation
1	Ensure no gender or age discrimination in recruitment, work, and payment	2,78	1,204
2	Ensure no discrimination of marital status in recruitment, work, payment	3,12	0,822
3	Ensure non-discrimination of race, religious or political origin in recruitment, employment, payment	4,21	0,410
4	Ensure that disability and HIV/AIDS are not discriminated against in recruitment, employment, and payment	3,18	0,921
5	Ensure that employees are not fired for reasons of pregnancy, maternity leave, or raising children under 12 months	3,45	1,029
6	Guaranteed not to change job position, salary, bonus or seniority during maternity leave	3,41	0,889

Source: Research findings (2020)



4.2.5. Corporate social responsibility to assurance of acceptable working conditions

Table 6: Opinions on the level of implementation of “Assurance of acceptable working conditions” in FDI enterprises in Vietnam

No	Detailed Indicators	Average Score	Standard Deviation
1	Ensure compliance with minimum wage regulations	4,24	0,612
2	Ensure compliance with regulations on overtime pay	3,12	0,845
3	Ensure compliance with regulations on payment of social insurance, health insurance and unemployment insurance	3,25	1,001
4	Make sure the overtime is correct PLLD	2,31	0,908
5	Ensure rest time (in hours, shifts, week off; year, holidays, maternity ...) in accordance with Labor Law regulations	2,75	1,012
6	Ensure OSH training at the workplace	3,07	1,010
7	Make sure to wear personal protective equipment when working	3,01	0,915
8	Ensure the provision of OSH equipment at the workplace	3,12	0,897
9	Ensure that machines, equipment, supplies and chemicals are operated and stored up to technical standards on OSH	3,15	0,789
10	Ensure periodic health check and monitoring for employees	3,17	1,006

Source: Research findings (2020)



5. CONCLUSION AND RECOMMENDATIONS

5.1. Conclusion

❖ *Achievements*

Many FDI companies have paid attention to corporate social responsibility to employees as it ensures their products to export to foreign markets under commitments to brands; Corporate social responsibility has been conducted in diversified forms; Many FDI companies have been recognized and awarded for their corporate social responsibility performance.

FDI companies have fulfilled some major indicators with limitations to child labor and two other indicators including elimination of discrimination against races, religions and politics in recruitment, work and pay and Compliance with regulations on minimum wage



5.1. Conclusion

❖ *Limitations*

- A substantial number of FDI companies have not paid attention to corporate social responsibility to employees with limited results as required by laws on labor;
- Most FDI companies keep the basic rights at workplace and acceptable working conditions at average level, or even low level in such indicators as Signing and compliance with collective bargaining agreement; Willingness to amend the contents of collective bargaining agreement; Assurance not to retain wages to force employees to stay; Assurance not to hold personal documents to force employees to stay; Assurance not to force employees to work overtime; Assurance to check the age of employees before recruitment; Assurance to eliminate discrimination against gender and age in recruitment, work and pay; Assurance of overtime in accordance with labor law; Assurance to provide leave under labor law.



5.1. Conclusion

❖ *Causes*

➤ *From FDI companies:*

- (i) Limitations in awareness and knowledge of entities (employees, union officers, employers) on CSR to employees under new-general FTAs in terms of basic rights at workplace and acceptable working conditions;
- (ii) Lack of strategic objectives in CSR to employees;
- (iii) Lack of CSR culture to employees

➤ *From the State*

- (i) Irrelevance between regulations on basic rights at workplace and acceptable working conditions (minimum wages, working hours and occupational health and safety) and commitments in new-generation FTAs;
- (ii) Loopholes in implementation and supervision of labor laws at all levels.



5.2. FDI company development in Viet Nam

Decrease in average investment in FDI companies

Shift from garment industry to high-tech industries such as computer and electronic production.

Decreasing labor force



5.3. Recommendations

5.3.1. Recommendations to FDI companies in Viet Nam

- (i) • Improving the capacity of employers, employees in FDI companies
- (ii) • Focusing on targets of CSR to employees in strategies of FDI companies
- (iii) • Developing corporate culture associated with CSR to employees in FDI companies



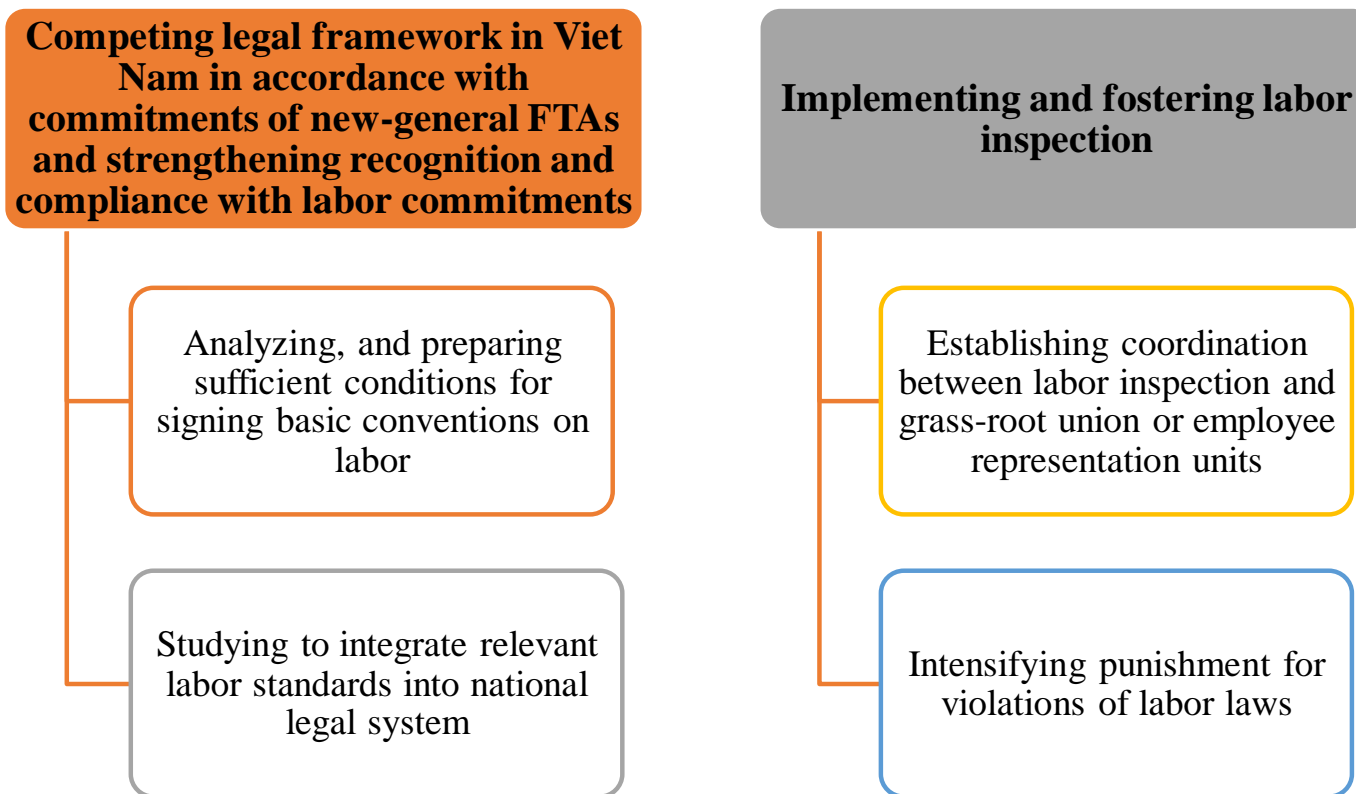
5.3.1. Recommendations to FDI companies in Viet Nam

Table 7: Manifestations of the relationship of implementing CSR towards employees and corporate culture

Expression of corporate culture		Manifestations of social responsibility for employees
Being a source of pride for employees (through recognition or celebration of the company's success)	Create prestige, company position	<ul style="list-style-type: none"> - Practicing CSR is higher than industry standards, distinguishing it from other businesses. - Check out accreditations and awards from reputable organizations.
Is caring about their employees	Paying attention to sustainable development policy is caring about the happiness of society and treating its employees well	<ul style="list-style-type: none"> - Implement programs for employees to experience and make efforts. - Communicating to future employees about corporate social responsibility practices associated with human resource practices.
Align organizational values with personal values	People are always looking for an organization whose values are right for them. A person's sense of belonging to the organization is the main motivation for them to choose the job.	<ul style="list-style-type: none"> - Clearly describe the values pursued; Emphasizing leadership's commitment and embedding values into corporate culture and leadership being a model of those values; - Responsible development is integrated into daily work, training programs; Bonus system, activity goals.



5.3.2. *Recommendations to the State on improving macro-environment for FDI companies*





THANK YOU!



BÀI THAM LUẬN SỐ 5

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG BỐI CẢNH MỚI

Ông Ou Yang Feng Fei

Phó Tổng Giám đốc, Regina Miracle International Vietnam Co.,Ltd

Dear Mr. Nguyen Truc Le, VNU University of economics and business

Mr. Nguyen Hoai Nam, Haiphong University

Ms. Nguyen Thi Bich Loan, Thuongmai University

Mr. Andreas Stoffers, Director of Friedrich Naumann Foundation for Freedom Vietnam (FNF)

My name is Blake Ouyang, Vice General Director of Regina Miracle International Vietnam. On behalf of Regina Miracle, thanks for having us to join the conference today. Before I start to share this topic, I would like to have a brief introduction about our company. Since different company may have different situation, my sharing today only bases on the actual situation of ourselves. Hope our experience can give you some inspirations. And wish today's conference a full success.

Founded in 1998, Regina Miracle International (Holdings) Limited Group is a leading global intimate wear company* that innovates, designs and manufactures a wide range of intimate wear and functional sports products for global leading brands through an IDM (Innovative Design Manufacturer) business model. Headquartered in Hong Kong, our Group has two strategic strongholds – our research and development in Shenzhen, China, as well as our production bases in Shenzhen, China and Hai Phong, Vietnam. As of today, we have 5 operating production facilities in VSIP Hai Phong, and 1 new set up facility in Hung Yen Province. These additional production facilities will expand our manufacturing capacities in order to support our rapid business growth. Up to September, we already have more than 38.000 employees in Vietnam.

Over the years, Regina Miracle has been able to establish long-term win-win partnerships with global leading brand customers in the intimate wear and sports industry. Our major Brand Customers include: Uniqlo owned by Fast Retailing; Victoria's Secret

owned by L Brands; Bali, Maidenform and Champion owned by Hanes Brands; and Calvin Klein and Warner's owned by PVH; adidas and Reebok owned by adidas Group; Nike owned by Nike Inc.

The year 2020 was unusual as the sudden outbreak of COVID-19 brought unprecedented challenges to various industries around the world, especially in the first half year when many markets in Europe and the United States suffered from lockdowns and the global textile and apparel retail chain was faltering. In the second half year, as the Pandemic was controlled and the market gradually adapted to the new normal of the late-pandemic era, market conditions recovered and most retail brands had their operations back on track since July. Through the concerted efforts of all colleagues of Regina Miracle, our Group was able to grasp the opportunities brought by the market recovery in the second half year and achieved a sales level not only higher than the first half year but also better than that of the same period in previous years.

In the face of the Pandemic, our Group's core business was inevitably affected in the first half year of 2020. In particular, the traditional bra and intimate wear business saw a sudden drop in orders. However, the Pandemic has also created a growing demand for sports, home and consumer electronics products, and accelerated the rise of online shopping. With our innovative design manufacturing (IDM) capabilities and a diverse product portfolio built over the years, Regina Miracle was able to capitalize on strong growth in sports-related products under the Pandemic. In addition, our Group's aggressive efforts to explore new sources of income, including the development of fabric face masks by focusing on growing the Chinese market, which was the first to bring the Pandemic under control, have enabled our Group to partially offset the impact of the traditional bra and intimate wear business during the initial phase of the Pandemic. With the gradual resumption of operations and orders from some of our closer brand partners from the second quarter onwards, our Group was pleased to see orders for our overall business being back on track, which led to sales in the second half of the year as a whole surpassing the pre-Pandemic levels, and that this strong growth momentum will continue.

We look at this remarkable period under the Pandemic as an invaluable lesson. Most importantly, the significance of diversifying our market presence has been recognized. While we will remain committed to building closer and more stable partnerships with international brands, we also see the tremendous opportunities available in China as it became the locomotive of global economic growth thanks to its timely containment of the Pandemic and the development of a national dual circulation strategy. Hence, we have been

increasingly investing resources on developing new brand partners and new marketing channels such as e-commerce in China over the past year and these efforts have begun to pay off. We believe that this business will be one of our Group's main growth drivers in future.

The Pandemic has also brought about tremendous changes in the whole supply chain, including the increased popularity of online e-commerce sales, with a particular focus on fast order and short production cycles in response to brand partners' preference for reduced inventories. Therefore, our Group has been actively enhancing our production efficiency through production process improvement, with the goal of maximizing profit, while ensuring proper risk response management for the production process.

Our Group will continue to improve the layout of our production capacity in Vietnam to meet the strong order demand from our existing international brand partners. Meanwhile, faced with the volatility of the global Pandemic, and with our Group's largest production base being located in Vietnam, we have also made a reasonable assessment of the potential risks, including city lockdown policies and social distancing measures implemented by the local governments for the containment of the Pandemic, etc. Meanwhile, targeting the vast potential of the Chinese market, our Group has begun to optimize the business and production layout in China by setting up our new facilities in the high-tech industrial park, Zhaoqing New District, Guangzhou Province, the Greater Bay Area.

As an innovative design manufacturer, we are also committed to carrying out business digitization and informationization in a carefully calculated manner, so as to lay a solid foundation for the long-term development and growth of our enterprise. In addition to improving production efficiency, digital technology can also enable more refined production planning. The Group is able to deal with orders and market changes at ease through systematic production planning. Furthermore, we will ensure careful monitoring of major trends through big data and innovate products that will lead market trends accordingly.

In the late-Pandemic age, the launch of vaccines has brought a glimmer of hope to global anti-pandemic efforts and has resulted in a gradual recovery in economic activities.

On this occasion, we would like to express our thanks to our Haiphong city governments, especially HP Economic Zone Authority (HEZA), for all the valuable supports and guidance to us to set up the pandemic prevention measures. Which truly help

all the enterprises to stabilize production during the past difficult time. And continuously create favorable conditions for enterprises, like this time they arrange our employees to take vaccines as priority, now more than 80% of our employee already receive vaccinations. This help us to ensure safety and stability development.

That's for my sharing. Thanks for your listening!

HỘI THẢO KHOA HỌC

Tác động của đại dịch COVID-19 đối với các hoạt động của công ty

ThS. Phạm Huy Hùng

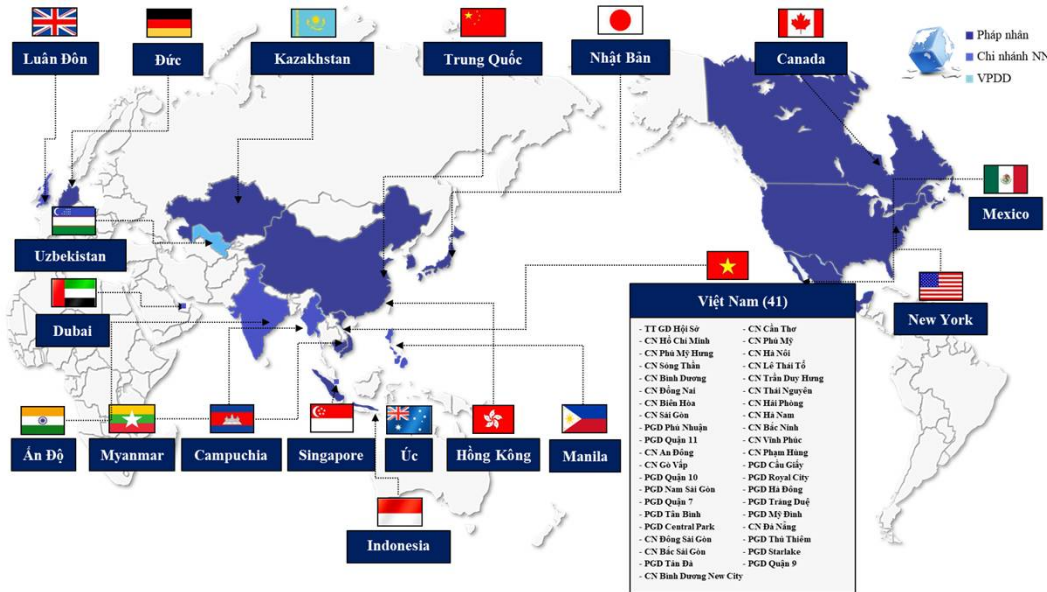
- Giám đốc Khối bán lẻ - Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, Chi nhánh Hải Phòng.
- Giám đốc - Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, Phòng giao dịch Tràng Duệ.

GIỚI THIỆU - NGÂN HÀNG SHINHAN VIỆT NAM



Trực thuộc Tập đoàn tài chính Shinhan (SFG) với hơn 161 chi nhánh tại 20 quốc gia

14 Chi nhánh nước ngoài, 10 Ngân hàng pháp nhân (142 chi nhánh phụ thuộc, 2 chi nhánh độc lập), 1 Văn phòng đại diện



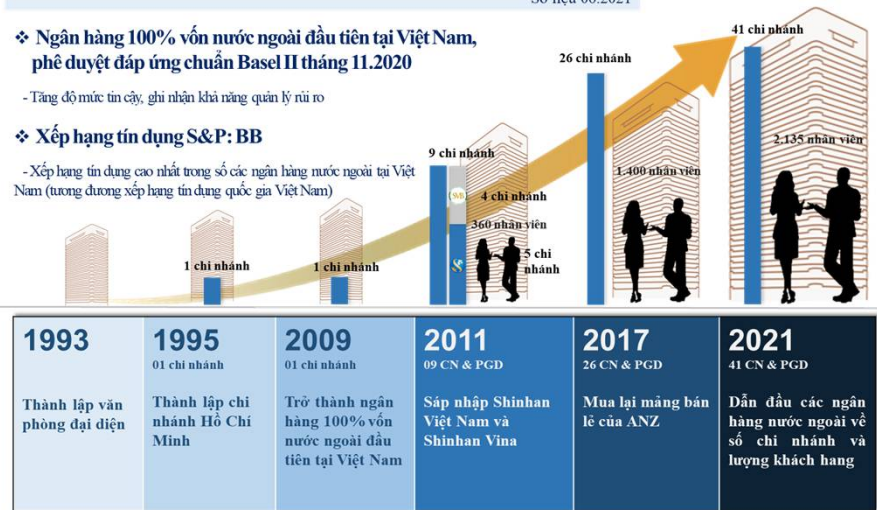
Mạng lưới 41 Chi nhánh
Nhân sự 2.135 Nhân viên
Tổng tài sản 6.051 TỶ USD
Nợ xấu 0,59 %
 Số liệu 06.2021

❖ Ngân hàng 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam, phê duyệt đáp ứng chuẩn Basel II tháng 11.2020

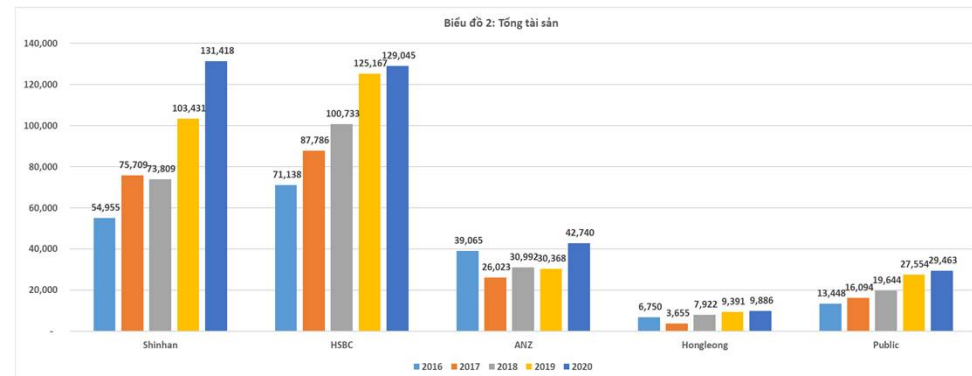
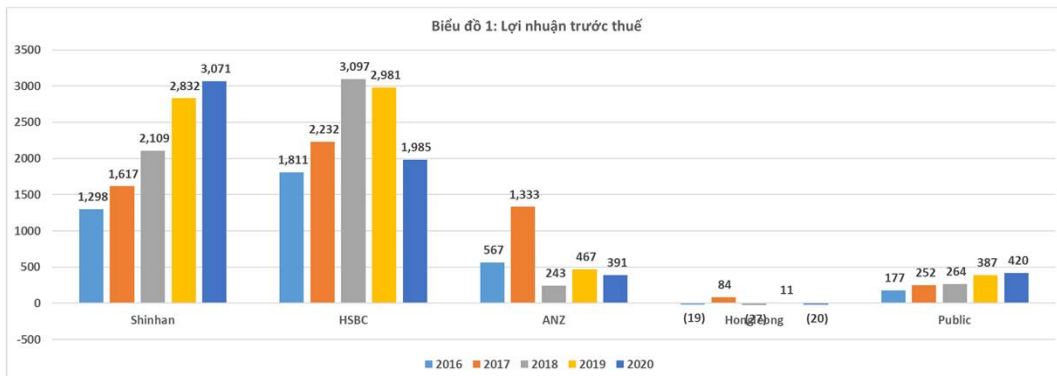
- Tăng độ mức tin cậy, ghi nhận khả năng quản lý rủi ro

❖ Xếp hạng tín dụng S&P: BB

- Xếp hạng tín dụng cao nhất trong số các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam (tương đương xếp hạng tín dụng quốc gia Việt Nam)



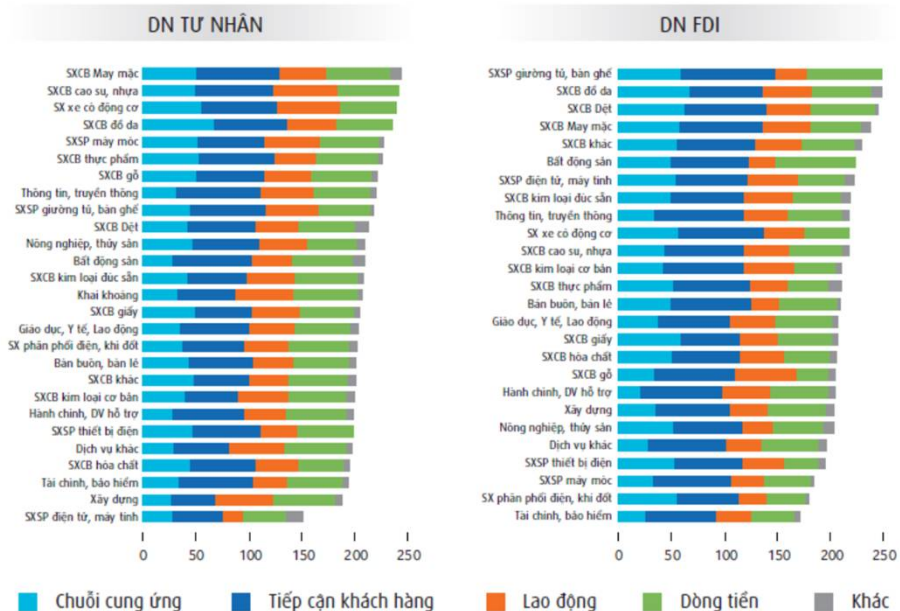
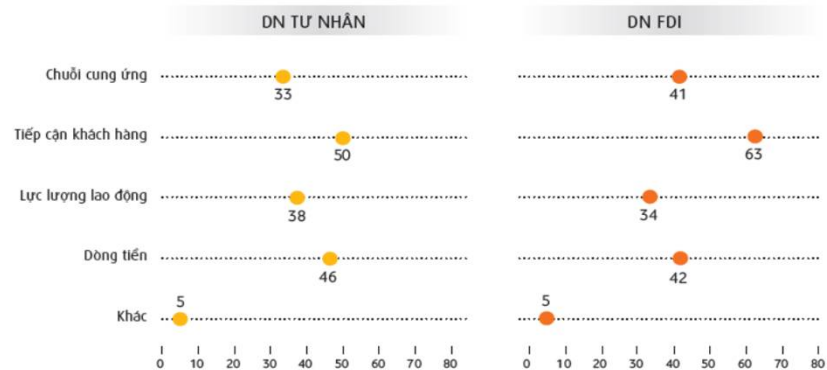
TOP 1 Ngân hàng 100% Vốn nước ngoài tại Việt Nam



Ảnh hưởng của đại dịch COVID đến Doanh nghiệp

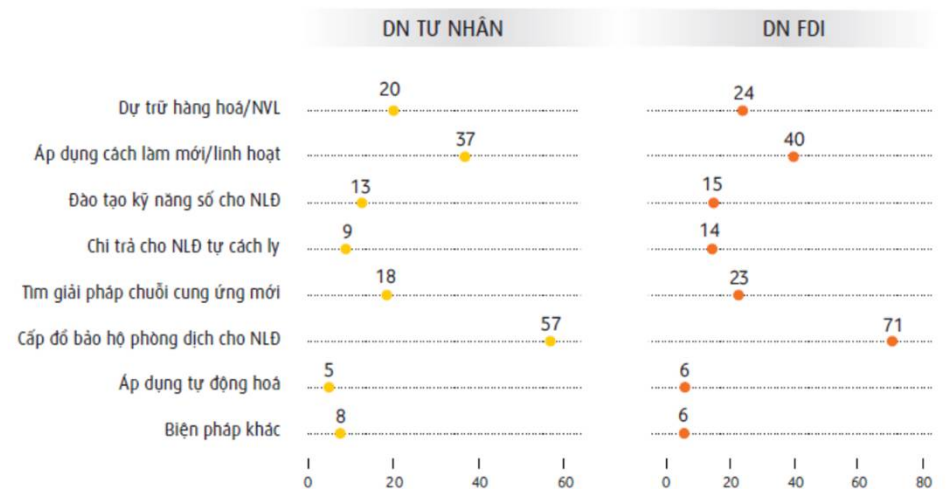
Tác động chung đối với hoạt động công ty

Đại dịch COVID-19 diễn ra từ đầu năm 2020 đã gây tác động nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và đẩy nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái

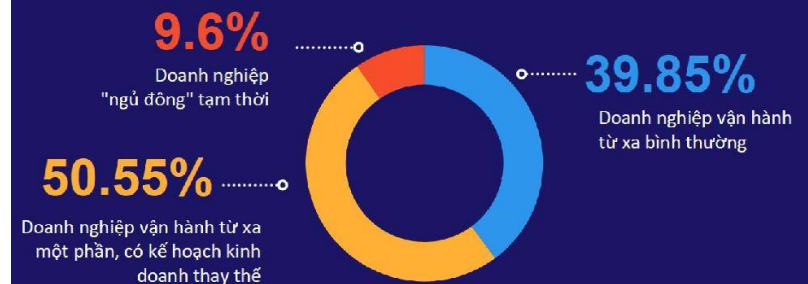


Biện pháp ứng phó của doanh nghiệp

Hầu hết các doanh nghiệp đã áp dụng một hoặc nhiều biện pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch COVID-19. Có tới 92% doanh nghiệp tư nhân và 96% doanh nghiệp FDI cho biết đã thực hiện một hoặc nhiều biện pháp ứng phó



Hơn 60% doanh nghiệp sẽ tạm ngưng hoặc chuyển đổi mô hình kinh doanh nếu phải làm việc từ xa



Ngân hàng Shinhan Việt Nam, vừa là đại diện cho khối doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực tài chính bảo hiểm tại Việt nam, vừa là đối tác cung cấp dịch vụ tài chính chủ yếu của các tập đoàn, doanh nghiệp FDI lớn đến từ Hàn Quốc như Samsung, LG, LS-Vina, Hyosung...



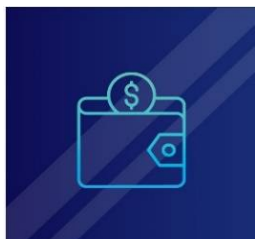
Tác động tới hoạt động kinh doanh

- Đóng cửa 2/3 chi nhánh, phòng giao dịch tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Nam
 - Thu hẹp hoạt động tại tất cả chi nhánh còn lại (50% nhân sự)
 - Phát sinh chi phí phòng chống dịch
 - Sụt giảm tăng trưởng tín dụng, huy động vốn
 - Điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, huy động
 - Phát sinh tỷ lệ nợ xấu, trích lập dự phòng
- Hoạt động kinh doanh bị đình trệ, sụt giảm trên toàn bộ hệ thống, đồng thời kéo theo nhiều chi phí phát sinh



Biện pháp ứng phó, thay đổi

- Đẩy mạnh **Localization** (nội địa hóa)
- Đa dạng hóa sản phẩm (đẩy mạnh phát triển ngân hàng bán lẻ)
- Tập trung, nhanh chóng áp dụng **Digitalization** (chuyển đổi số)



Chia sẻ khó khăn

- Điều chỉnh **giảm lãi suất** với Khách hàng vay
- **Gia hạn** thời gian trả nợ
- **Cơ cấu** nợ vay quá hạn,



HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI



TẾT TRUNG THU

Trung thu 2021, Ngân hàng Shinhan đã mang đến niềm vui cho hơn 100 bệnh nhi tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng. Chương trình được tổ chức với nhiều hoạt động như tham hỏi, tổ chức trò chơi, tặng quà. Chương trình đã mang đến một mùa trung thu trọn vẹn và đáng nhớ không chỉ cho em thiếu nhi mà còn cho cả các nhân viên Ngân hàng Shinhan tham gia chương trình.

CHƯƠNG TRÌNH GIẢI CỨU NÔNG SẢN

Đầu năm 2021, nhân viên Ngân hàng Shinhan tham gia đóng góp để tham gia giải cứu nông sản cho bà con nông dân Tiên Lãng. Toàn bộ số nông sản thu mua được trao tặng tới khách hàng và các tổ chức từ thiện khác.



TÀI TRỢ QUỸ PHÒNG DỊCH COVID



Của ít lòng nhiều, Ngân hàng Shinhan đã tham gia đóng góp cho các Tổ chức, tập thể tại thành phố Hải Phòng, để cùng chung tay góp phần đẩy lùi đại dịch COVID-19.

Ngoài ra, còn rất nhiều các hoạt động xã hội khác được tập thể, các cá nhân của Ngân hàng Shinhan tham gia như: Ngày bảo vệ môi trường, Học bổng Chắp cánh ước mơ,...



Your concerns
are our top priority

Thank you

Shinhan Bank Vietnam

Chi nhánh Hải Phòng

Lô 7B, Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, tp. Hải Phòng

PGD Tràng Duệ

Lô CC3-1 KCN Tràng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, tp. Hải Phòng

Tel: 0225.7302.100 Fax: 0225.7302.102